

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1479 /BCA-ANCTNB

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2025

V/v hướng dẫn thực hiện
số hóa tài liệu bí mật nhà nước

Kính gửi: Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương

Để phục vụ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57); Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57; căn cứ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và các danh mục bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện số hóa tài liệu bí mật nhà nước, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bảo đảm an toàn, phòng ngừa lộ, mất bí mật nhà nước khi thực hiện số hóa tài liệu bí mật nhà nước dưới dạng điện tử.

- Thực hiện thống nhất, đồng bộ việc số hóa tài liệu bí mật nhà nước trong cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

- Nâng cao kỹ năng, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết, xử lý tài liệu bí mật nhà nước khi thực hiện số hóa.

2. Yêu cầu

- Việc số hóa tài liệu bí mật nhà nước bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về cơ yếu, pháp luật về lưu trữ, pháp luật khác có liên quan và theo hướng dẫn tại văn bản này.

- Đổi mới tư duy, tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, hiệu quả; phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí” nhằm khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

- Không thực hiện số hóa tài liệu bí mật nhà nước độ Tuyệt mật. Tài liệu bí mật nhà nước độ Tối mật, Mật được số hóa trên phương tiện, thiết bị viễn thông, mạng máy tính phải được mã hóa theo quy định pháp luật về cơ yếu.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Hướng dẫn này áp dụng đối với Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị -

xã hội thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các cơ quan, tổ chức trực thuộc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan đến việc thực hiện số hóa tài liệu bí mật nhà nước.

III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN

1. Phân loại tài liệu bí mật nhà nước để thực hiện số hóa

1.1. Phân loại tài liệu lưu trữ

a) Rà soát, phân loại tài liệu bí mật nhà nước độ Tuyệt mật đang lưu giữ trong từng hồ sơ để tách riêng, không thực hiện số hóa;

b) Sắp xếp, lựa chọn tài liệu bí mật nhà nước độ Tối mật, Mật cần số hóa theo hồ sơ đang lưu trữ;

c) Tài liệu bí mật nhà nước được xác định, đóng dấu Tối mật, Mật nếu đến thời điểm số hóa mà hết thời hạn bảo vệ là 20 năm (đối với tài liệu Tối mật), 10 năm (đối với tài liệu Mật) tính từ ngày ban hành nhưng không được cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước gia hạn thời hạn bảo vệ thì thuộc trường hợp đương nhiên giải mật theo quy định tại Điều 22 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và được số hóa theo tài liệu không chứa bí mật nhà nước;

d) Tài liệu bí mật nhà nước được xác định, đóng dấu độ Tối mật, Mật đã kết thúc trước 20 năm đối với tài liệu Tối mật, 10 năm đối với tài liệu Mật và thời gian kết thúc được thể hiện trên dấu “Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước” thì được số hóa theo tài liệu không chứa bí mật nhà nước;

đ) Tài liệu bí mật nhà nước được xác định, đóng dấu độ Tối mật, Mật nhưng không còn thuộc danh mục bí mật nhà nước hiện hành (Phụ lục 1 và Phụ lục 2) thì được số hóa theo tài liệu không chứa bí mật nhà nước. Trước khi số hóa phải đóng dấu “Giải mật” theo quy định;

e) Tài liệu bí mật nhà nước đã được giải mật bằng quyết định giải mật của người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 22 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước thì được số hóa theo tài liệu không chứa bí mật nhà nước. Trước khi số hóa phải đóng dấu “Giải mật” theo quy định;

g) Tài liệu bí mật nhà nước do Lưu trữ lịch sử lưu trữ, nếu không xác định được cơ quan xác định bí mật nhà nước thì Lưu trữ lịch sử quyết định việc giải mật theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Trước khi số hóa phải đóng dấu “Giải mật” theo quy định;

h) Việc bàn giao tài liệu bí mật nhà nước giữa người trực tiếp quản lý, lưu giữ với người thực hiện nhiệm vụ số hóa được thực hiện khi mang tài liệu bí mật nhà nước ra khỏi kho lưu trữ, khi số hóa xong và mang trả lại kho lưu trữ. Khi bàn giao phải đối chiếu về số lượng tài liệu, số lượng trang trong từng tài liệu; kiểm tra về sự nguyên vẹn của tài liệu; việc bàn giao được lập thành biên bản

kèm theo danh mục tài liệu (danh mục tài liệu gồm các thông tin cơ bản như: số tài liệu, số tờ, số trang, độ mật).

1.2. Phân loại và xác định tài bí mật nhà nước đối với văn bản điện tử

a) Người soạn thảo, tạo ra văn bản điện tử căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước thuộc các ngành, lĩnh vực được phân loại theo Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Công văn này đề xuất người đứng đầu hoặc cấp phó được ủy quyền của người đứng đầu cơ quan, tổ chức về độ mật của bí mật nhà nước, nơi nhận, số lượng bản phát hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu bí mật nhà nước tại Tờ trình hoặc Phiếu trình duyệt ký văn bản. Căn cứ đề xuất độ mật phải nêu rõ thuộc điều, khoản, điểm của quyết định danh mục bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

b) Nội dung Phụ lục 1, Phụ lục 2 được xây dựng căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước hiện hành theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các cơ quan, tổ chức thực hiện số hóa cần cập nhật thường xuyên các danh mục mới khi được thay thế;

c) Người đứng đầu hoặc cấp phó được ủy quyền của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xác định, quyết định độ mật của bí mật nhà nước;

d) Trường hợp các văn bản điện tử có tính chất lặp đi lặp lại và có cùng một độ mật thì người có thẩm quyền quy định tại điểm c mục 1.2 văn bản này xác định độ mật một lần cho loại văn bản đó;

đ) Trên cơ sở quyết định độ mật của người có thẩm quyền nêu tại điểm c của mục này, người soạn thảo tạo dấu chỉ độ mật trên văn bản theo quy định;

e) Tài liệu bí mật nhà nước được xác định, đóng dấu độ Tối mật, Mật nhưng có thời hạn kết thúc trước 20 năm đối với tài liệu Tối mật, 10 năm đối với tài liệu Mật thì cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước tạo dấu “Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước” trực tiếp trên tài liệu theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Khi tạo dấu “Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước”, cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước phải thể hiện rõ thời gian được bảo vệ trên tài liệu. Ví dụ thời hạn bảo vệ từ ngày 07 tháng 4 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025;

g) Dự thảo văn bản điện tử có nội dung bí mật nhà nước khi gửi lấy ý kiến trên môi trường điện tử phải được mã hóa theo quy định của pháp luật về cơ yếu và có văn bản yêu cầu nơi nhận có trách nhiệm bảo vệ nội dung dự thảo, bảo đảm không để xảy ra lộ, mất.

2. Điều kiện đảm bảo và quy trình số hóa

2.1. Phương tiện, thiết bị, phần mềm để thực hiện số hóa, lưu trữ tài liệu bí mật nhà nước phải được mã hóa đến độ Tối mật theo quy định pháp luật về cơ yếu.

2.2. Quy trình số hóa tài liệu bí mật nhà nước tại văn thư cơ quan, Lưu trữ Lịch sử Đảng của cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo Hướng dẫn số 40-HD/VPTW ngày 07/11/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng.

2.3. Quy trình số hóa tài liệu bí mật nhà nước trong lưu trữ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 851/BNV-CVT<NN ngày 01/4/2025 của Bộ Nội vụ về việc số hóa tài liệu trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2.4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện số hóa thường xuyên cập nhật văn bản hướng dẫn quy trình số hóa tài liệu của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thống nhất, bảo đảm đúng quy định.

2.5. Trường hợp thuê khoán số hóa tài liệu bí mật nhà nước thì trong hợp đồng thuê khoán phải có điều, khoản quy định trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của bên được thuê khoán; người được thuê khoán phải cam kết bảo vệ bí mật nhà nước đã tiếp cận trong quá trình thực hiện số hóa (bằng văn bản); quá trình thực hiện số hóa tài liệu bí mật nhà nước, không được mang theo thiết bị có chức năng chụp ảnh, ghi hình, ghi âm vào khu vực số hóa, nếu vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuê khoán phải có biện pháp quản lý chặt chẽ người được thuê khoán số hóa tài liệu, bảo đảm không để xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước.

3. Việc khai thác tài liệu bí mật nhà nước số hóa được thực hiện tương tự như khai thác tài liệu bí mật nhà nước là bản giấy, cụ thể:

3.1. Việc khai thác tài liệu bí mật nhà nước được số hóa trong nội bộ cơ quan, tổ chức phục vụ thực hiện nhiệm vụ có liên quan trực tiếp đến tài liệu bí mật nhà nước thì căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo cơ quan, tổ chức.

3.2. Việc khai thác tài liệu bí mật nhà nước được số hóa trong trường hợp cung cấp cho cơ quan, tổ chức ngoài cơ quan, đơn vị quản lý tài liệu thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

3.3. Tài liệu bí mật nhà nước được số hóa khi in ra giấy phải đóng dấu “Bản sao bí mật nhà nước”, dấu “Bản sao số” và có chữ ký của người có thẩm quyền cho phép sao theo quy định tại Điều 11 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Bảo đảm an ninh, an toàn bí mật nhà nước trong quá trình số hóa

4.1. Người mang tài liệu bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ số hóa phải được người đứng đầu hoặc cấp phó được ủy quyền của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước cho phép.

4.2. Trong quá trình mang tài liệu bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ số hóa phải có biện pháp bảo quản, bảo đảm an toàn. Trong thời gian mang tài liệu bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ số hóa nếu phát hiện bí

mật nhà nước bị lộ, bị mất, người mang tài liệu phải báo cáo ngay người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý để có biện pháp xử lý và khắc phục hậu quả.

4.3. Trang thiết bị phục vụ số hóa phải được kiểm tra an ninh, an toàn trước khi thực hiện số hóa; khi truyền đưa, lưu giữ trên phương tiện thông tin, viễn thông, mạng máy tính, mạng viễn thông phải được mã hóa theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

4.4. Địa điểm số hóa phải được bố trí tại nơi bảo đảm an toàn (được trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống camera giám sát; hệ thống cửa ra, vào bảo đảm kiên cố, có khóa bảo vệ...) do người đứng đầu cơ quan, tổ chức thực hiện số hóa quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ nội dung văn bản này quán triệt, triển khai, thực hiện đến toàn thể cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi quản lý, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp làm nhiệm vụ số hóa.

2. Đề nghị đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trang bị cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị; nguồn nhân lực và kinh phí phục vụ số hóa tài liệu bí mật nhà nước theo quy định về ngân sách; đồng thời có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong quá trình số hóa.

3. Việc số hóa tài liệu bí mật nhà nước phải tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, không để xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước. Trường hợp phát hiện tài liệu bí mật nhà nước bị lộ, mất thì cơ quan, tổ chức thực hiện số hóa trao đổi với cơ quan Công an để phối hợp xử lý theo quy định.

Trong quá trình tổ chức, thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị quý cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Công an để được hướng dẫn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng Lương Tam Quang (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để phối hợp);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- V01, C06;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, ANCTNB(P2).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Trung tướng Phạm Thế Tùng

Phụ lục I
Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật phục vụ số hóa
trong các cơ quan Đảng
(Kèm theo Công văn số 1479/BCA-ANCTNB ngày 17/4/2025 của Bộ Công an)

I. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CỦA ĐẢNG

1. Thông tin về lãnh đạo, chỉ đạo chung gồm:

a) Quyết định, kết luận, biên bản, văn bản, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư về xử lý các vụ việc phức tạp liên quan đến đối ngoại, an ninh quốc gia, các điểm nóng về an ninh trật tự; giải quyết các vụ việc phức tạp về chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế chưa công khai.

b) Quyết định, kết luận, báo cáo, tờ trình, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Văn phòng Trung ương Đảng về tài sản và kinh phí hoạt động đặc biệt của đảng chưa công khai.

2. Thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng gồm:

a) Quyết định, kế hoạch, báo cáo, thông báo, biên bản, văn bản của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc giám sát, giải quyết khiếu nại đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công khai.

b) Quyết định, kế hoạch, kết luận, tờ trình, báo cáo, thông báo, biên bản, công văn của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xem xét thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương chưa công khai (trừ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này).

3. Thông tin về công tác tổ chức xây dựng đảng gồm:

a) Quyết định, kết luận, báo cáo, tờ trình, thông báo, văn bản của Trung ương Đảng, cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương, các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm khác về công tác tổ chức, cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương thành lập và tổ giúp việc, tổ biên tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương về chuẩn bị, đề án, phương án, quy hoạch nhân sự Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy cấp tỉnh quản lý chuẩn bị cho nhiệm kỳ khóa mới và xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ cấp chiến lược chưa

công khai (trừ văn bản thành lập các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm, tổ giúp việc, tổ biên tập).

b) Chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án, phương án, kế hoạch, tờ trình, văn bản (trừ các Quyết định, thông báo) của Trung ương Đảng, cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương, các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm khác về công tác tổ chức, cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương thành lập và tổ giúp việc, tổ biên tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương về thẩm định, đánh giá, nhận xét, cho ý kiến việc bầu cử, ứng cử, điều động, bổ nhiệm, phân công, từ chức, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, kỷ luật cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý.

c) Báo cáo, bản kiểm điểm, văn bản gợi ý kiểm điểm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư có nội dung kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia.

d) Quyết định, kết luận, báo cáo, thông báo, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tiểu ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, các cơ quan đảng ở Trung ương đối với cán bộ, đảng viên có vấn đề về chính trị hiện nay thuộc diện Trung ương quản lý chưa công khai (trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định này).

4. Thông tin về công tác tuyên giáo gồm: Chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án, tờ trình, kế hoạch, báo cáo, văn bản của Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, Ban chỉ đạo bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cấp tỉnh trở lên về chủ trương, hướng dẫn, chỉ đạo, đánh giá công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, về xác định đối tượng, các biện pháp đấu tranh phòng, chống âm mưu thủ đoạn hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ chưa công khai; về công tác đấu tranh, phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

5. Thông tin về công tác đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân gồm:

a) Nghị quyết, quyết định, kết luận, báo cáo, tờ trình, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Đối ngoại Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn về chủ trương kiến lập, phát triển, đình chỉ quan hệ của Đảng ta với các đảng, các nước, các đối tác chưa công khai.

b) Kết luận, phương án, đề án, báo cáo, tờ trình, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Đối ngoại Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về đàm phán, hoạch định đường biên giới quốc gia, đấu tranh bảo vệ vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam với các nước láng giềng.

c) Đề án, tờ trình, văn bản của Ban Đối ngoại Trung ương kiến nghị Trung ương Đảng về hoạt động đối ngoại cụ thể của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và đón các đoàn của các đảng, các nước vào thăm, làm việc tại Việt Nam.

d) Văn bản, ý kiến chỉ đạo, phương án của Trung ương Đảng, Ban Đối ngoại Trung ương về đấu tranh chính trị, pháp lý, ngoại giao nhằm bảo vệ chủ quyền, quyền và lợi ích quốc gia.

6. Thông tin về kinh tế - xã hội gồm: Quyết định, kết luận, đề án, tờ trình, báo cáo, thông báo, văn bản của Trung ương Đảng, Ban Kinh tế Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về chủ trương đầu tư, phát triển dự án kinh tế trọng điểm của đất nước phục vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa công khai.

7. Thông tin về công tác dân vận gồm: Quyết định, kết luận, thông báo, báo cáo, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Dân vận Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện về chủ trương, hướng dẫn, trao đổi, chỉ đạo giải quyết, xử lý đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc thiểu số có tác động, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, quốc phòng, đối ngoại chưa công khai.

8. Thông tin về công tác nội chính gồm: Kết luận, thông báo, tờ trình, văn bản, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Ban Nội chính Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cấp tỉnh về phương hướng xử lý các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực, nổi cộm, phức tạp nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm chưa công khai.

9. Thông tin về quốc phòng, an ninh gồm:

a) Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận, văn bản của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, đảng ủy quân sự tỉnh, đảng ủy công an tỉnh, đảng ủy bộ đội biên phòng, đảng ủy từ cấp trên trực tiếp cơ sở đến cấp trực thuộc Quân ủy Trung ương, đảng ủy công an huyện về định hướng chủ trương, chỉ đạo kế hoạch tác chiến, xây dựng các thành phần tham gia thế trận phòng thủ đất nước, khu vực phòng thủ các tỉnh, thành phố; đánh giá, trao đổi về tình hình an ninh biên giới, hải đảo và phương án bảo vệ chủ quyền biên giới, lãnh thổ quốc gia.

b) Nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, đảng ủy quân sự tỉnh, đảng ủy công an tỉnh, đảng ủy quân sự huyện, đảng ủy công an huyện về

trang bị vũ khí, khí tài, phương tiện thiết bị kỹ thuật, các mặt hàng đặc biệt trọng yếu phục vụ bảo vệ Tổ quốc và an ninh quốc gia.

c) Văn bản, ý kiến chỉ đạo của cơ quan, tổ chức đảng về triển khai các phương án, kế hoạch, lực lượng, biện pháp công tác bảo vệ an ninh quốc gia (trừ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Quyết định này).

10. Thông tin về khoa học và công nghệ gồm: văn bản của Trung ương Đảng, cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương về chủ trương triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh (trừ quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định này).

11. Thông tin về tài nguyên và môi trường gồm: văn bản của Trung ương Đảng, cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương, hướng dẫn, chỉ đạo việc đàm phán thành lập, duy trì, phát triển các tổ chức lưu vực sông quốc tế có liên quan đến Việt Nam; đàm phán bảo vệ quyền lợi quốc gia trong hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước sông quốc tế.

II. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO, TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Đề án, phương án, kế hoạch, ý kiến chỉ đạo, thông báo ý kiến chỉ đạo, kết luận của các đồng chí lãnh đạo bộ, ban, ngành trung ương; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có nội dung đánh giá về thực trạng hoạt động của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có hoạt động gây ảnh hưởng đến chính trị, an ninh quốc gia; về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ cấp chiến lược chưa công khai.

2. Thông tin, tài liệu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước gồm:

a) Đề án cơ cấu tổ chức và cơ cấu thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa mới do Bộ Nội vụ chuẩn bị chưa công khai;

b) Văn bản thẩm định về tổ chức bộ máy, biên chế của Công an nhân dân và Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Thông tin, tài liệu về cán bộ, công chức, viên chức nhà nước gồm:

a) Văn bản nhận xét, đánh giá, thẩm định hồ sơ liên quan đến điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, đình chỉ chức vụ, kỷ luật, chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý chưa công khai;

b) Văn bản báo cáo, trình xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền về nhân sự cao cấp của Đảng, Nhà nước trong quá trình xem xét bầu cử, ứng cử.

4. Thông tin, tài liệu về tín ngưỡng, tôn giáo gồm:

a) Chương trình, kế hoạch, nội dung làm việc, báo cáo kết quả, thông báo kết luận làm việc của các đồng chí lãnh đạo bộ, ban, ngành và Tỉnh ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, nhân sĩ giữ các vị trí có ảnh hưởng trong các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; các tổ chức, cá nhân nước ngoài có vị trí ảnh hưởng trong các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;

b) Kế hoạch, báo cáo, hướng dẫn, văn bản xin chủ trương giải quyết những vấn đề phức tạp trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo có tác động đến an ninh, chính trị và đối ngoại;

c) Văn bản nhận xét, đánh giá về nhân sự, thực trạng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, hoạt động của cơ sở chính trị, người trong các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có hoạt động gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia;

d) Báo cáo có nội dung nhận xét, đánh giá liên quan đến các đối tượng lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

III. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. Báo cáo, đề án, tờ trình của Bộ Ngoại giao trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ có nội dung liên quan đến đánh giá tình hình quan hệ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các đối tác lớn, các nước láng giềng, khu vực, các đối tác lớn, các tổ chức quốc tế và kiến nghị chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước với các đối tác đó.

2. Về triển khai hoạt động đối ngoại:

a) Tờ trình của Bộ Ngoại giao trình Chính phủ về việc thiết lập, thay đổi mức độ hoặc đình chỉ quan hệ ngoại giao, lãnh sự với các nước và các tổ chức quốc tế liên chính phủ.

b) Tờ trình của Bộ Ngoại giao trình Chính phủ về việc thành lập, tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

c) Đề án, tờ trình của Bộ Ngoại giao kiến nghị chủ trương xây dựng. Chương trình tổng thể hoạt động đối ngoại hàng năm, nội dung Chương trình tổng thể hoạt động đối ngoại đã được phê duyệt của các đồng chí Ủy viên Bộ

Chính trị, Ban Bí thư, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa công khai.

d) Đề án, tờ trình của Bộ Ngoại giao kiến nghị chủ trương đối với các hoạt động đối ngoại cụ thể của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc đón các đoàn nước ngoài thăm Việt Nam.

đ) Nội dung các cuộc gặp, trao đổi của lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương với các tổ chức và cá nhân nước ngoài có nội dung ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, uy tín và vị thế quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Về công tác biên giới, lãnh thổ:

a) Báo cáo, đề án, tờ trình của Bộ Ngoại giao trình Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán, đối thoại với các nước về vấn đề biên giới lãnh thổ trong khuôn khổ quan hệ song phương hoặc tại các thể chế đa phương. Báo cáo kết quả đàm phán, giải quyết các tranh chấp, đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên đất liền, vùng trời, các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa.

b) Báo cáo đánh giá tình hình và công tác bảo vệ, quản lý biên giới, lãnh thổ quốc gia, vùng trời, các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ảnh hưởng đến việc giải quyết tranh chấp biên giới, ranh giới biển hoặc quan hệ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước.

c) Tờ trình của Bộ Ngoại giao trình Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ kiến nghị chủ trương, chính sách và các phương án hoạch định đường biên giới quốc gia, ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước láng giềng.

d) Tờ trình của Bộ Ngoại giao trình Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ kiến nghị chủ trương, chính sách, phương án và các biện pháp đấu tranh về chính trị, ngoại giao, pháp lý, dư luận nhằm bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với đất liền, vùng trời và các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

đ) Báo cáo, bản đồ, hải đồ liên quan đến quá trình hình thành đường biên giới quốc gia, các mốc quốc giới trên đất liền chưa công khai.

4. Báo cáo, tờ trình kiến nghị Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, đề án tổ chức, kế hoạch triển khai chủ trương, chính sách đối với tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài của Bộ Ngoại giao có nội dung ảnh hưởng đến an ninh

quốc gia và sự ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa công khai.

5. Về công tác quản lý Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài:

a) Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Ngoại giao gửi các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc triển khai các hoạt động đối ngoại đối với nước sở tại, đấu tranh, đàm phán giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ và triển khai các hoạt động đối với các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài chưa công khai.

b) Báo cáo của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có nội dung phản ánh, đánh giá tác động đến quan hệ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nước sở tại có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và sự ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước chưa công khai.

6. Phương án, kế hoạch, tài liệu chuẩn bị, nội dung đàm phán, văn bản ký kết với nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác theo quy định của pháp luật quốc tế có ảnh hưởng đến công tác đối ngoại, an ninh, quốc phòng của đất nước chưa công khai.

7. Sơ đồ mạng liên lạc cơ yếu, kế hoạch dự trữ và triển khai sử dụng kỹ thuật mật mã, kế hoạch, địa điểm giao nhận kỹ thuật mật mã, tài liệu về quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã, tài liệu giảng dạy về mật mã, quy trình sử dụng mật mã của lực lượng cơ yếu công tác trong lĩnh vực đối ngoại.

8. Thiết kế kỹ thuật về đảm bảo an ninh, an toàn các trụ sở cơ quan làm việc của Bộ Ngoại giao và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Thông tin, tài liệu do nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế chuyển giao theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận quốc tế liên quan mà hai bên thỏa thuận bảo vệ ở mức Tối mật hoặc tương đương.

IV. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề thi chính thức, đề thi dự bị, đáp án đề thi chính thức, đáp án đề thi dự bị của các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thi chọn đội tuyển Olympic quốc tế và khu vực chưa công khai.

2. Thông tin về người thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Cơ yếu được cử đi đào tạo trong nước và nước ngoài cần được bảo vệ theo yêu cầu của bên cử đi đào tạo.

V. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Đề án, kế hoạch, biện pháp phòng, chống, đấu tranh với hoạt động các thế lực thù địch, phản động lợi dụng vấn đề dân tộc để xuyên tạc, phá hoại đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước gây mất ổn định nghiêm trọng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Báo cáo có nội dung nhận xét, đánh giá về các đối tượng lợi dụng vấn đề dân tộc gây mất ổn định ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

VI. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh, trừ các nội dung đã được quy định tại Điều 1 Quyết định này, gồm:

1. Báo cáo, Tờ trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; văn bản gửi các bộ, ngành, địa phương liên quan xin ý kiến về chủ trương triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thuyết minh, báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp, báo cáo về kết quả và sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Quyết định phê duyệt, quyết định công nhận kết quả; hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, biên bản, phiếu nhận xét; báo cáo kiểm tra, đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

VII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC TÀI CHÍNH VÀ NGÂN SÁCH

1. Thông tin về tài chính, ngân sách:

Tờ trình, báo cáo, phương án, thuyết minh, số liệu về chính sách tài chính - ngân sách nhà nước chi tiết trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ trong trường hợp có chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

2. Thông tin về dự trữ quốc gia:

a) Kế hoạch dự trữ quốc gia do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý.

b) Kế hoạch tài chính 03 năm, dự toán, quyết toán chi ngân sách nhà nước cho dự trữ quốc gia do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý.

c) Số liệu tuyệt đối về số lượng và giá trị hàng dự trữ quốc gia do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý.

d) Quy hoạch chi tiết hệ thống kho dự trữ quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý.

3. Thông tin về hải quan:

Hồ sơ cơ sở bí mật gồm:

a) Quyết định lập/kết thúc hồ sơ cơ sở bí mật, quyết định phê duyệt/kết thúc/thanh loại cơ sở bí mật, giấy yêu cầu xác minh về người dự kiến xây dựng cơ sở bí mật, thẻ đăng ký cơ sở bí mật.

b) Báo cáo xây dựng cơ sở bí mật, báo cáo xác minh lý lịch cơ sở bí mật, báo cáo kết thúc/thanh loại cơ sở bí mật, báo cáo kết quả giao nhiệm vụ thử thách, báo cáo về việc kết nạp cơ sở bí mật, báo cáo nhận xét, đánh giá cơ sở bí mật, báo cáo kết quả sinh hoạt cơ sở bí mật, báo cáo tin tức của cơ sở bí mật hoặc do công chức kiểm soát hải quan ghi lại theo cung cấp của cơ sở bí mật, báo cáo kiểm tra cơ sở bí mật.

c) Kế hoạch tuyển chọn cơ sở bí mật, kế hoạch kết nạp cơ sở bí mật; kế hoạch sinh hoạt cơ sở bí mật định kỳ, đột xuất.

d) Phiếu chi, chứng từ thanh toán, quyết toán kinh phí cho hoạt động của cơ sở bí mật.

VIII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC Y TẾ

Hồ sơ bệnh án, thông tin, kết quả khám bệnh, chữa bệnh, kiểm tra sức khỏe của các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.

IX. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT, BỔ TRỢ TƯ PHÁP, HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP, BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

1. Báo cáo, văn bản, đề án xác lập luận cứ khoa học do Bộ Tư pháp chuẩn bị để tham mưu, hoạch định chủ trương, chính sách vĩ mô của Đảng, Nhà nước về pháp luật có liên quan đến chính trị, quốc phòng, đối ngoại, an ninh quốc gia, phòng thủ đất nước.

2. Chiến lược, kế hoạch, phương án giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

X. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Phương án đàm phán, văn bản, sơ đồ, bản đồ chứa thông tin liên quan đến nội dung đàm phán chưa công khai về số liệu tọa độ ranh giới vùng thông báo bay (FIR) và vùng tìm kiếm cứu nạn hàng không (SRR).

XI. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC KẾ HOẠCH, ĐẦU TƯ VÀ THỐNG KÊ

Kế hoạch đầu tư, báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư trong phòng thủ đất nước cấp chiến lược, chiến dịch, cấp bộ, ngành.

XII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC XÂY DỰNG

Kế hoạch sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đặc biệt phục vụ các công trình phòng thủ quốc phòng, công trình quân sự phục vụ trực tiếp chiến đấu, phòng thủ biên giới, vùng trời, vùng biển, hải đảo của Tổ quốc chưa công khai.

XIII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

1. Mẫu thiết kế tiền và giấy tờ có giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa công khai; tập tin thiết kế của mẫu thiết kế tiền và giấy tờ có giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bản in, bản khắc, phim, khuôn đúc, khuôn dập của tiền và giấy tờ có giá; tập tin chế tạo bản in, bản khắc, phim, khuôn đúc, khuôn dập của tiền và giấy tờ có giá; mẫu in thử, đúc thử, dập thử của tiền và giấy tờ có giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Công thức mực in tiền; thông số kỹ thuật mực in tiền chưa công khai; thông số kỹ thuật trong quá trình chế tạo bản in, khuôn đúc, khuôn dập của tiền và giấy tờ có giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành; các quy định về chất lượng, thông số kỹ thuật trong quá trình in, đúc, dập tiền và giấy tờ có giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

3. Khóa an toàn, thông số kỹ thuật, yếu tố chống giả đặc biệt của tiền, giấy tờ có giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

XIV. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Về tài nguyên nước:

a) Văn bản xin chủ trương của lãnh đạo Đảng, Nhà nước liên quan đến việc đàm phán thành lập, duy trì, phát triển các tổ chức lưu vực sông quốc tế có liên quan đến Việt Nam; đàm phán bảo vệ quyền lợi quốc gia trong hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước sông quốc tế;

b) Tài liệu về mặt cắt, dòng chảy sông suối phục vụ cho việc hoạch định, cấm mốc biên giới trên sông, suối chưa công khai;

c) Kết quả điều tra cơ bản về tài nguyên nước trên sông, suối, nguồn nước biên giới liên quan đến quốc phòng, an ninh chưa công khai.

2. Về môi trường:

a) Văn bản xin chủ trương của lãnh đạo Đảng, Nhà nước liên quan đến hoạt động khắc phục hậu quả chất độc hóa học sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam, hoạt động khắc phục sự cố môi trường trên biển chưa công khai;

b) Phương án, nội dung đàm phán về hoạt động khắc phục hậu quả chất độc hóa học sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam sau khi được lãnh đạo Đảng, Nhà nước phê duyệt.

3. Về khí tượng thủy văn:

a) Văn bản xin chủ trương của lãnh đạo Đảng, Nhà nước về công trình khí tượng thủy văn phục vụ nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

b) Tài liệu địa hình (trắc đồ ngang, trắc đồ dọc, bình đồ đoạn sông) và tốc độ dòng chảy thực đo tại các trạm thủy văn vùng cửa sông trong phạm vi 30 km tính từ biển vào đối với các sông thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; 50 km tính từ biển vào đối với các sông thuộc hệ thống sông Đồng Nai, sông Cửu Long; 15 km tính từ biển vào đối với các sông khác trên hệ thống sông phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

4. Về đo đạc và bản đồ:

a) Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia hạng II trở lên hoàn chỉnh phủ kín diện tích một đơn vị hành chính cấp tỉnh;

b) Bản đồ kết quả điều tra, khảo sát về đường biên giới quốc gia phục vụ đàm phán hoạch định biên giới quốc gia chưa công khai.

5. Về đất đai:

Nghị quyết, quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bản đồ và các số liệu, tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với công trình quan trọng liên quan đến quốc phòng, an ninh khu vực biên giới, vùng biển, hải đảo, năng lượng quốc gia chưa công khai.

6. Về biển và hải đảo:

a) Văn bản xin chủ trương của lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong việc đàm phán bảo vệ quyền lợi quốc gia trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo chưa công khai;

b) Số liệu, bản đồ, sơ đồ về trường sóng âm các vùng biển Việt Nam;

c) Bản đồ về địa hình, địa chất, tài nguyên và môi trường các quần đảo, đảo, bãi cạn lúc chìm lúc nổi, bãi ngầm có tỷ lệ lớn hơn 1:10.000 phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa công khai;

d) Tọa độ, trữ lượng và tài nguyên cấp 333 trở lên các mỏ khoáng sản biển sâu chưa công khai;

đ) Bản đồ Quy hoạch không gian biển quốc gia; bản đồ Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ liên quan đến quốc phòng, an ninh chưa công khai.

XV. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

1. Kế hoạch, chương trình hành động của Bộ Công thương thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp, thương mại và năng lượng trực tiếp phục vụ nhiệm vụ an ninh, quốc phòng chưa công khai.

2. Văn bản, báo cáo, kế hoạch, giải pháp thực hiện của ngành cơ khí, luyện kim, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, năng lượng điện, dầu khí, thương mại liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ an ninh, quốc phòng chưa công khai.

3. Bản thiết kế, sơ đồ cung cấp điện nội bộ của các công trình an ninh, quốc phòng.

4. Hồ sơ, tài liệu Dự án DA-16/08.

XVI. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO

1. Phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn bảo tàng, thư viện lưu giữ tài liệu, hiện vật hạn chế phổ biến hoặc không phổ biến.

2. Phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn di tích lịch sử nếu có tranh chấp về chủ quyền quốc gia.

XVII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Hồ sơ, tài liệu Dự án TS 01.

2. Số lượng tàu kiểm ngư; danh mục vũ khí, phương tiện và quy định về định mức trang bị vũ khí, phương tiện của lực lượng kiểm ngư do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý chưa công khai.

3. Kế hoạch, báo cáo, kết quả nghiên cứu khoa học về nguồn lợi, môi trường sống của các loài hải sản ở các vùng biển Trường Sa, Hoàng Sa, DK1 chưa công khai.

XVIII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

1. Báo cáo, đề án, tờ trình của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tổ chức bộ máy, nhân sự trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước chưa công khai.

2. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo thẩm tra, văn bản của Văn phòng Chính phủ về kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí, khí tài phục vụ quốc phòng, an ninh.

3. Nghị quyết của Chính phủ, kết luận của Thủ tướng Chính phủ; báo cáo thẩm tra, văn bản thông báo của Văn phòng Chính phủ; biên bản cuộc họp

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có nội dung chỉ đạo, giải quyết, xử lý vấn đề, vụ việc về quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa công khai.

4. Nghị quyết của Chính phủ, báo cáo, kết luận của Thủ tướng Chính phủ, văn bản của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương thiết lập, thay đổi mức độ quan hệ hoặc đình chỉ quan hệ ngoại giao, lãnh sự với các nước và các tổ chức quốc tế liên chính phủ; thành lập, tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; phương án, biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, dư luận nhằm bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia đối với đất liền, vùng trời, vùng biển của Việt Nam; chủ trương phát triển công nghiệp, thương mại và năng lượng trực tiếp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; chính sách, phương án, kế hoạch ngân sách tài chính chi tiết trong trường hợp xảy ra chiến tranh, bảo vệ Tổ quốc.

5. Báo cáo, kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, văn bản của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về bảo vệ quyền lợi quốc gia trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước sông quốc tế, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; đàm phán khắc phục hậu quả chất độc hóa học sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam; xây dựng công trình khí tượng thủy văn phục vụ nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

6. Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, kết luận và văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phương án, nhiệm vụ công tác bảo vệ an ninh quốc gia chưa công khai.

XIX. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC, VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NƯỚC

1. Văn bản, ý kiến của Chủ tịch nước, tờ trình, văn bản của Văn phòng Chủ tịch nước về việc đàm phán, ký, phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của các điều ước quốc tế liên quan đến vấn đề tôn giáo, dân tộc, quyền con người, chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia chưa công khai.

2. Văn bản, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch nước về phương hướng hoạt động tình báo, an ninh với các nước, các khu vực và tổ chức quốc tế trong chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

3. Chương trình, kế hoạch chi tiết công tác nước ngoài của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước.

4. Văn bản, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước đối với các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

5. Tờ trình, báo cáo, văn bản của Văn phòng Chủ tịch nước phục vụ Chủ tịch nước họp Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương có nội dung liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia chưa công khai.

XX. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CỦA QUỐC HỘI, CƠ QUAN THUỘC ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, TỔNG THƯ KÝ QUỐC HỘI, VĂN PHÒNG QUỐC HỘI VÀ ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

1. Phương án về nội dung cần trung cầu ý dân có ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa công khai.

2. Văn bản chỉ đạo của Hội đồng bầu cử quốc gia về những vấn đề phức tạp trong công tác bầu cử có ảnh hưởng đến chính trị, an ninh, quốc phòng và đối ngoại chưa công khai.

3. Tờ trình, báo cáo, công văn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Công tác đại biểu phục vụ Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét: Đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Quốc hội; quyết định tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội trong trường hợp đại biểu Quốc hội bị khởi tố bị can; quyết định trường hợp đại biểu Quốc hội bị tạm giữ vì phạm tội quả tang.

4. Tờ trình, báo cáo, đề án, công văn xin ý kiến, kiến nghị của Ủy ban Đối ngoại với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề thuộc chính sách đối ngoại giữa Quốc hội Việt Nam với Quốc hội các nước láng giềng, các đối tác lớn, các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực, các tổ chức quốc tế có nội dung ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

5. Báo cáo thẩm tra, văn bản đề xuất, kiến nghị của Ủy ban Pháp luật và Ban Công tác đại biểu trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định giải tán Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân chưa công khai.

XXI. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC THUỘC TÒA ÁN NHÂN DÂN

Kế hoạch xét xử, văn bản xin ý kiến, trao đổi của Tòa án nhân dân với các cơ quan bảo vệ pháp luật, cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền về việc xử lý, xét xử các vụ án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

XXII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC THUỘC VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

1. Báo cáo, văn bản của Viện kiểm sát nhân dân xin ý kiến của Quốc hội, cơ quan nhà nước, cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền và văn bản trao đổi với các cơ quan bảo vệ pháp luật về công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, phương hướng giải quyết đối với các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

2. Chỉ thị, nghị quyết, phương án, kế hoạch, kết luận, thông báo, văn bản chỉ đạo của Viện kiểm sát nhân dân về công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm chưa công khai.

3. Nội dung, văn bản họp Ủy ban kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân các cấp về phương hướng chỉ đạo xử lý các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

4. Phương án, kế hoạch, báo cáo, văn bản về triển khai lực lượng, phương tiện, biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp đặc biệt nghiêm trọng hoặc được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm./.

Phụ lục II
Danh mục bí mật nhà nước độ Mật phục vụ số hóa
trong các cơ quan Đảng
(Kèm theo Công văn số 1479/BCA-ANCTNB ngày 17/4/2025 của Bộ Công an)

I. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT CỦA ĐẢNG

1. Thông tin về lãnh đạo, chỉ đạo chung gồm:

a) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ trực thuộc Trung ương trình xin ý kiến Trung ương Đảng và báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận, góp ý vào dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng chưa công khai.

b) Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư; biên bản hội nghị của Trung ương Đảng chưa công khai.

c) Quyết định, kết luận, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa công khai (trừ quy định điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này).

d) Tài liệu, tư liệu lưu trữ về lịch sử Đảng, thân thế, sự nghiệp các đồng chí lãnh đạo Đảng chưa được thẩm định, xác minh, kết luận; hồ sơ, tài liệu về các vụ việc, vụ án phản cách mạng, vụ án chống Đảng; danh mục tài liệu tại các Lưu trữ lịch sử của Đảng có liên quan đến chính trị, quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia chưa công khai.

2. Thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng gồm:

a) Văn bản, chương trình, kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban kiểm tra Trung ương và cấp ủy, Ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng khi có dấu hiệu vi phạm chưa công khai (trừ quy định tại khoản 1 Điều 1 và điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định này).

b) Quyết định, kế hoạch, báo cáo, thông báo, biên bản, văn bản của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và nguyên Ủy viên Trung ương Đảng chưa công khai (trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quyết định này).

c) Quyết định, kế hoạch, báo cáo, tờ trình, thông báo, biên bản, văn bản của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cấp ủy và Ủy ban kiểm tra cấp tỉnh về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xem xét thi hành kỷ luật đảng đối với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện, các đồng chí thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các đồng chí Ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện chưa công khai.

3. Thông tin về công tác tổ chức xây dựng đảng gồm:

a) Nghị quyết, quyết định, kết luận, đề án, kế hoạch, báo cáo, tờ trình, công văn của Trung ương Đảng, cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện về chủ trương thành lập, giải thể, sáp nhập, nhập chia, điều chỉnh, phân định địa giới hành chính khu vực biên giới, biển đảo và khu vực có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh chưa công khai.

b) Nghị quyết, kết luận, báo cáo, tờ trình, văn bản (trừ các Quyết định, thông báo) của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng các cấp (trừ cấp cơ sở), các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm khác về công tác tổ chức, cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương thành lập và tổ giúp việc, tổ biên tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương về đề án nhân sự, quy hoạch; về thẩm định, đánh giá, nhận xét, cho ý kiến việc luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, phân công, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, kỷ luật đối với cán bộ thuộc diện Ban Bí thư, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quản lý và cán bộ cấp tổng cục, cấp cục, cấp vụ và tương đương của các cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương chưa công khai.

c) Kết luận, thông báo, báo cáo, tờ trình, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy ở Trung ương về quá trình phong, thăng quân hàm cấp tướng, Phó Đô đốc, Chuẩn Đô đốc Hải quân trong quân đội, công an chưa công khai.

d) Báo cáo, bản kiểm điểm, gợi ý kiểm điểm của tập thể và cá nhân các đồng chí thuộc diện Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quản lý có nội dung kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia chưa công khai.

đ) Quyết định, kết luận, báo cáo, thông báo, văn bản của cấp ủy, cơ quan đảng các cấp đối với cán bộ, đảng viên có vấn đề về chính trị hiện nay chưa công khai (trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 và điểm d khoản 3 Điều 2 Quyết định này).

e) Văn bản của cơ quan, tổ chức đảng quy định, hướng dẫn, trao đổi về công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; văn bản chỉ đạo, định hướng, xem xét, đánh giá và bố trí cán bộ, đảng viên có vấn đề chính trị.

g) Văn bản của cơ quan, tổ chức đảng chỉ đạo, hướng dẫn, trao đổi về công tác đảng viên liên quan đến dân tộc thiểu số, tôn giáo và đảng viên ở nước ngoài có chứa thông tin, nhận xét, đánh giá ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh chưa công khai.

4. Thông tin về công tác tuyên giáo (trừ quy định tại khoản 4 Điều 2 Quyết định này) gồm:

a) Chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án, tờ trình, kế hoạch, báo cáo, văn bản của cấp ủy, ban tuyên giáo cấp ủy các cấp về xác định đối tượng, các biện pháp, đối sách, kết quả đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ trên lĩnh vực tư tưởng lý luận, “diễn biến hòa bình” chưa công khai.

4. Thông tin về công tác tuyên giáo (trừ quy định tại khoản 4 Điều 2 Quyết định này) gồm:

a) Chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án, tờ trình, kế hoạch, báo cáo, văn bản của cấp ủy, ban tuyên giáo cấp ủy các cấp về xác định đối tượng, các biện pháp, đối sách, kết quả đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ trên lĩnh vực tư tưởng lý luận, “diễn biến hòa bình” chưa công khai.

b) Văn bản của cấp ủy, Ban tuyên giáo, Ban chỉ đạo về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch các cấp có nội dung đánh giá tình hình, công tác đấu tranh phản bác các quan điểm, luận điệu sai trái, thù địch chưa công khai (trừ thông kê số lượt tin bài, cộng tác viên, văn bản thành lập ban chỉ đạo).

c) Báo cáo, thông báo, văn bản của cấp ủy về tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên đối với các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

5. Thông tin về công tác đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân gồm:

a) Kế hoạch, đề án, báo cáo, văn bản về hoạt động đối ngoại của Trung ương Đảng, các cơ quan đảng, đảng ủy, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trung ương chưa công khai.

b) Báo cáo, kế hoạch, chương trình, đề án, tờ trình, văn bản và văn kiện ngoại giao của các đoàn đại biểu cấp cao Đảng ta đi thăm nước ngoài và đón các đoàn đại biểu cấp cao các đảng, các nước, các tổ chức quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam có nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia chưa công khai.

c) Báo cáo, kế hoạch, đề án, phương án, tờ trình, công văn và văn kiện, thỏa thuận đối ngoại của các cơ quan đảng trực thuộc Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về các cuộc gặp, làm việc với các đảng, các nước, các địa phương nước ngoài có chung biên giới, các tổ chức nước ngoài có nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia chưa công khai.

d) Báo cáo, văn bản của Ban Đối ngoại Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh có nội dung nhận xét, đánh giá, kiến nghị về các vấn đề đối ngoại của quốc tế, khu vực và các nước láng giềng, về chủ trương đối ngoại và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh chưa công khai.

6. Thông tin về kinh tế - xã hội gồm: Quyết định, kết luận, đề án, tờ trình, báo cáo, thông báo, văn bản của cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy về chủ trương đầu tư, phát triển dự án kinh tế vùng, khu vực của tỉnh, thành phố gắn với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

7. Thông tin về công tác dân vận gồm:

a) Báo cáo, thông báo, văn bản của các cấp ủy, ban dân vận cấp ủy và các cơ quan, tổ chức đảng (trừ cấp cơ sở) về công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng liên quan đến an ninh, chính trị, đối ngoại và hoạt động của các đối tượng, tổ chức, phản động liên quan đến an ninh, chính trị, đối ngoại vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo chưa công khai.

b) Báo cáo của cấp ủy, ban dân vận cấp ủy các cấp về kết quả làm việc với các tổ chức tôn giáo, chức sắc và lực lượng cốt cán trong tôn giáo, người có uy tín trong tôn giáo, dân tộc thiểu số có tác động, ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

c) Nghị quyết, quyết định, kết luận, hướng dẫn, tờ trình, báo cáo, văn bản của các cấp ủy, cơ quan đảng về đảng viên được cấp có thẩm quyền lựa chọn, bố trí, tranh thủ trong tôn giáo chưa công khai (trừ quy định tại điểm g khoản 3 Điều 3 Quyết định này).

d) Báo cáo, văn bản của các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng về lựa chọn, bố trí, tranh thủ lực lượng cốt cán đặc thù, cốt cán phong trào trong tôn giáo.

8. Thông tin về công tác nội chính gồm:

a) Nghị quyết, kết luận, đề án, thông báo, chương trình, kế hoạch, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Nội chính Trung ương, Ban Chỉ đạo về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cấp tỉnh trở lên và cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng (trừ cấp cơ sở) có nội dung đánh giá, nhận xét, chỉ đạo định hướng, theo dõi, nắm tình hình, xử lý các vấn đề, vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

b) Văn bản của cơ quan, tổ chức đảng có chứa thông tin đánh giá về tình hình, kết quả công tác bảo vệ chính trị nội bộ phức tạp chưa công khai.

9. Thông tin về quốc phòng, an ninh gồm:

a) Văn bản, ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương, phương hướng, biện pháp giải quyết, xử lý các vụ việc là điểm nóng phức tạp về an ninh trật tự ở địa phương, trong vùng dân tộc, tôn giáo, khu kinh tế, khu vực biên giới, hải đảo.

b) Văn bản, ý kiến chỉ đạo của cơ quan, tổ chức đảng về triển khai các phương án, kế hoạch, lực lượng, biện pháp công tác quốc phòng, quân sự tại địa phương chưa công khai.

c) Nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kết luận, báo cáo, kế hoạch, hướng dẫn, văn bản của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng các cấp (trừ cấp cơ sở) về xây dựng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tại địa phương.

10. Thông tin về khoa học và công nghệ gồm: văn bản, ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương Đảng, cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ đổi mới sáng tạo, năng lực nguyên tử chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố công khai (trừ quy định tại khoản 10 Điều 2 Quyết định này).

11. Thông tin, tài liệu về địa điểm làm việc, lưu giữ bí mật nhà nước của Trung ương Đảng, của các cơ quan đảng ở Trung ương và lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước gồm:

a) Văn bản chứa nội dung phản ánh chi tiết về bản vẽ thiết kế xây dựng, bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế hệ thống quản lý địa điểm, bản vẽ thiết kế hệ thống giám sát an ninh, bản vẽ thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; bản đồ, sơ đồ thể hiện vị trí các phòng làm việc, nơi lưu giữ bí mật nhà nước.

b) Bản vẽ thiết kế xây dựng, bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế hệ thống quản lý địa điểm, bản vẽ thiết kế hệ thống giám sát an ninh, bản vẽ thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; bản đồ, sơ đồ thể hiện vị trí các phòng làm việc, địa điểm lưu giữ bí mật nhà nước.

c) Phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn địa điểm làm việc, lưu giữ bí mật nhà nước của Trung ương Đảng, các cơ quan đảng ở Trung ương và lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước.

d) Địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; nơi cất giữ sản phẩm mật mã, nơi mã hóa, giải mã thông tin bí mật nhà nước; nơi lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

12. Thông tin, tài liệu về hệ thống mạng máy tính, hệ thống cơ sở dữ liệu bí mật nhà nước của Đảng gồm:

a) Bản thiết kế kỹ thuật hệ thống mạng máy tính, hệ thống cơ sở dữ liệu bí mật nhà nước của Đảng.

b) Sơ đồ, bản vẽ thể hiện vị trí lắp đặt phương tiện, thiết bị thuộc hệ thống mạng máy tính.

c) Phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu.

d) Phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống mạng máy tính, hệ thống cơ sở dữ liệu bí mật nhà nước của Đảng.

II. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Thông tin, tài liệu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước gồm:

Đề án thành lập mới, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chưa công khai.

2. Thông tin, tài liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính gồm:

Đề án, dự án, báo cáo, kế hoạch, hướng dẫn, kết quả khảo sát, điều tra, thống kê về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh, phân định địa giới, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính khu vực biên giới, khu vực biển đảo và khu vực có vị trí chiến lược về an ninh, quốc phòng chưa công khai.

3. Thông tin, tài liệu về biên chế gồm:

a) Văn bản trình Thủ tướng Chính phủ về biên chế công chức (thuộc khối Chính phủ quản lý) từ Trung ương đến cấp huyện và biên chế làm việc ở nước ngoài chưa được thông qua và chưa công khai;

b) Quyết định giao biên chế làm việc ở nước ngoài đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chưa công khai;

c) Báo cáo liên quan đến biên chế làm việc ở nước ngoài chưa công khai.

4. Thông tin, tài liệu về cán bộ, công chức, viên chức nhà nước gồm:

a) Văn bản xin chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác cán bộ chưa công khai;

b) Văn bản nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, miễn nhiệm, kỷ luật cán bộ thuộc diện Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ quản lý chưa công khai;

c) Văn bản thẩm định, trình phê chuẩn hồ sơ kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chưa công khai;

d) Văn bản thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục và hồ sơ nhân sự đối với chức danh cán bộ, công chức, viên chức và các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê chuẩn chưa công khai;

đ) Văn bản, tài liệu về công tác cán bộ trong quá trình chuẩn bị, triển khai công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức cấp phòng, cấp Vụ và tương đương thuộc bộ, ngành trung ương; cấp phòng, cấp sở và tương đương thuộc cấp tỉnh; cấp phòng và tương đương thuộc cấp huyện;

e) Đề án, dự án, kế hoạch phát triển đối với cán bộ, công chức, viên chức có tác động đến kinh tế - xã hội chưa công khai.

5. Thông tin về thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý và tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức gồm:

a) Đề thi chính thức, đề thi dự phòng, đáp án đề thi chính thức, đáp án đề thi dự phòng tuyển dụng vào công chức cấp xã trở lên, viên chức khi chưa tổ chức thi tuyển, xét tuyển;

b) Đề thi chính thức, đề thi dự phòng, đáp án đề thi chính thức, đáp án đề thi dự phòng nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý khi chưa tổ chức thi tuyển, xét tuyển.

6. Thông tin về chính sách tiền lương gồm:

Tờ trình và Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang chưa công khai.

7. Thông tin về tổ chức Hội và các tổ chức phi chính phủ gồm:

a) Kết quả khảo sát, kiểm tra, điều tra, đánh giá thực trạng hoạt động các tổ chức hội và các tổ chức phi chính phủ có hoạt động gây ảnh hưởng đến chính trị, kinh tế, xã hội chưa công khai;

b) Văn bản có nội dung liên quan đến việc thành lập và hoạt động của các quỹ xã hội, quỹ từ thiện, hội, tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài phức tạp có tác động đến chính trị, kinh tế xã hội chưa công khai.

8. Thông tin, tài liệu về tín ngưỡng, tôn giáo gồm:

a) Văn bản, tài liệu trao đổi liên quan đến giải quyết các vấn đề có tính phức tạp về tín ngưỡng, tôn giáo chưa công khai;

b) Kế hoạch, hướng dẫn, văn bản đề xuất, xin ý kiến giải quyết những vụ việc có tính phức tạp về tín ngưỡng, tôn giáo chưa công khai;

c) Văn bản, tài liệu liên quan đến hoạt động của người trong các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được cấp có thẩm quyền lựa chọn, bố trí, tranh thủ;

d) Báo cáo về công tác tín ngưỡng, tôn giáo có nội dung tác động đến tình hình chính trị, kinh tế - xã hội chưa công khai;

đ) Đề án, dự án, kế hoạch phát triển dài hạn, đề xuất về chủ trương, chính sách, biện pháp điều hành liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo có nội dung tác động đến tình hình kinh tế - xã hội chưa công khai;

e) Thông báo, báo cáo về tình hình tín ngưỡng, tôn giáo có thông tin nhận định về người theo tín ngưỡng, tôn giáo; về tổ chức, cá nhân tôn giáo; về việc nhận xét, đánh giá tình hình tín ngưỡng, tôn giáo và định hướng xử lý giải quyết công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo;

g) Kinh phí thực hiện công tác tranh thủ đối với người trong tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

9. Thông tin, tài liệu về công tác văn thư, lưu trữ nhà nước gồm:

a) Cơ sở dữ liệu tại các Trung tâm lưu trữ Quốc gia, Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương liên quan đến vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tổ chức cán bộ chưa công khai;

b) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ hoàn công công trình xây dựng các Trung tâm lưu trữ Quốc gia, Trung tâm Bảo hiểm tài liệu lưu trữ; phương án bảo vệ an toàn tài liệu lưu trữ quốc gia; danh mục tài liệu tại các Trung tâm lưu trữ Quốc gia, Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan đến chính trị, an ninh và lợi ích quốc gia khi chưa được phép khai thác, sử dụng.

10. Văn bản báo cáo về công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong công tác tổ chức, cán bộ.

11. Hồ sơ trình, quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân có hoạt động bí mật mà việc khen thưởng có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động đối ngoại, hoạt động nghiệp vụ làm lộ danh tính hoặc ảnh hưởng đến tính mạng của người được khen thưởng.

III. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. Báo cáo, tờ trình của các bộ, ngành có nội dung phản ánh, đánh giá về các vấn đề quốc tế và khu vực đang thu hút sự quan tâm của dư luận quốc tế và kiến nghị chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc xử lý các vấn đề này chưa công khai.

2. Báo cáo, tờ trình của các bộ, ngành, địa phương kiến nghị chủ trương và kế hoạch triển khai hợp tác cụ thể của các bộ, ngành, địa phương với các đối tác nước ngoài có ảnh hưởng, tác động đến kinh tế - xã hội của đất nước chưa công khai.

3. Về triển khai các hoạt động đối ngoại:

a) Đề án, tờ trình của bộ, ngành, địa phương kiến nghị chủ trương hoạt động đối ngoại của lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương hoặc liên quan đến hoạt động đón tiếp các đoàn nước ngoài thăm Việt Nam có nội dung ảnh hưởng đến công tác đối ngoại, an ninh, quốc phòng và kinh tế - xã hội của đất nước chưa công khai.

b) Báo cáo của bộ, ngành địa phương về kết quả các đoàn đi công tác nước ngoài, dự các hội nghị quốc tế và đón các đoàn nước ngoài đến Việt Nam làm việc, quá cảnh có nội dung ảnh hưởng đến công tác đối ngoại, an ninh, quốc phòng và kinh tế - xã hội của đất nước chưa công khai.

c) Biên bản, nội dung trao đổi, báo cáo tiếp xúc đối ngoại của cán bộ công tác trong ngành Ngoại giao với đại diện ngoại giao các nước, các tổ chức quốc tế có nội dung ảnh hưởng đến công tác đối ngoại, an ninh, quốc phòng và kinh tế - xã hội chưa công khai.

d) Báo cáo, đề xuất, tờ trình của bộ, ngành trình Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ kiến nghị chỉ đạo liên quan đến việc thực thi các Nghị quyết cường chế của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc với các đối tượng, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

4. Về công tác biên giới, lãnh thổ:

a) Kế hoạch tổ chức và kết quả các cuộc nghiên cứu, điều tra, khảo sát khu vực biên giới, các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa đang tranh chấp.

b) Báo cáo đánh giá tình hình và công tác bảo vệ, quản lý biên giới, lãnh thổ quốc gia, vùng trời, các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa Việt Nam có nội dung quan trọng đối với quan hệ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước (trừ nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2).

c) Báo cáo, tờ trình kiến nghị chủ trương, phương án giải quyết những sự cố, sự việc phức tạp ở khu vực biên giới, khu vực giáp ranh giới trên biên giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước.

5. Về thông tin đối ngoại:

a) Báo cáo, tờ trình kiến nghị chủ trương đối với việc thông tin, tuyên truyền các vấn đề đối ngoại có ảnh hưởng đến công tác đối ngoại, an ninh, quốc phòng và kinh tế - xã hội của đất nước chưa công khai.

b) Báo cáo, tờ trình kiến nghị chủ trương đối với việc quản lý, cấp phép hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài tại Việt Nam, của báo chí nước ngoài đi theo các đoàn đại biểu nước ngoài thăm Việt Nam chưa công khai.

c) Đề án tổng thể, kế hoạch triển khai, nội dung tuyên truyền về các vấn đề biên giới lãnh thổ, biển, hải đảo chưa công khai.

d) Nội dung, kiến nghị phát biểu cho lãnh đạo các cấp, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao về các vấn đề biên giới lãnh thổ chưa công khai.

6. Về công tác quản lý các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài:

a) Tờ trình của Bộ Ngoại giao kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước ký quyết định cử, triệu hồi Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, Đại diện thường trực của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên hợp quốc, Tổ chức Thương mại thế giới, ASEAN, Đại diện của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế.

b) Báo cáo, tờ trình kiến nghị Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc bổ nhiệm, kéo dài nhiệm kỳ, triệu hồi Đại diện thường trực của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế (trừ trường hợp được quy định tại điểm a khoản 6 Điều này), người đứng đầu cơ quan lãnh sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; bổ nhiệm, miễn nhiệm Lãnh sự danh dự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

c) Văn bản trong quá trình chuẩn bị triển khai công tác bổ nhiệm người đứng đầu các cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa công khai.

d) Đề án, báo cáo, tờ trình của Bộ Ngoại giao liên quan đến việc sắp xếp nhân sự, cử cán bộ đi công tác nhiệm kỳ tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chưa công khai.

đ) Báo cáo, tờ trình, kết luận của Bộ Ngoại giao liên quan đến việc thu thập thông tin, thẩm tra, xác minh nhân sự cán bộ công tác tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

e) Báo cáo về tình hình, kế hoạch triển khai và kết quả đầu tư bất động sản của Nhà nước Việt Nam ở nước ngoài chưa công khai. Tờ trình kiến nghị chủ trương, kế hoạch triển khai việc đầu tư xây dựng, mua sắm, tiếp nhận, bàn giao các thiết bị, vật tư bảo vệ an ninh, an toàn của các trụ sở và hệ thống thông tin liên lạc của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

7. Tờ trình của Bộ Ngoại giao về việc quyết định chấp thuận, chưa chấp thuận đại diện ngoại giao các nước, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

8. Báo cáo, đề xuất, kiến nghị của bộ, ngành liên quan đến việc xử lý các vấn đề ưu đãi, miễn trừ, tranh chấp của các Cơ quan đại diện ngoại giao của các nước, cơ quan đại diện và Văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

9. Phương án, kế hoạch, tài liệu chuẩn bị, nội dung đàm phán và văn bản ký kết với nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác theo quy định của pháp luật quốc tế có ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội của đất nước chưa công khai.

10. Phương án, kế hoạch, tài liệu chuẩn bị, nội dung đàm phán và giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện giữa Nhà nước, Chính phủ và các bộ, ngành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các cơ quan, tổ chức, cá nhân người nước ngoài chưa công khai.

11. Văn bản thỏa thuận hợp tác, phối hợp giữa Bộ Ngoại giao và các bộ, ban, ngành và địa phương có nội dung ảnh hưởng đến công tác đối ngoại, an ninh, quốc phòng chưa công khai.

12. Thông tin, tài liệu do nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế chuyển giao theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận quốc tế liên quan mà phía nước ngoài đề nghị quy định ở mức Mật hoặc tương đương.

IV. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Văn bản có nội dung phản ánh, nhận xét, đánh giá về thực trạng tư tưởng, đời sống của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, học sinh, sinh viên có tác động tiêu cực đến chính trị, an ninh, đối ngoại, trật tự an toàn xã hội.

2. Thông tin về địa điểm ra đề thi và in sao đề thi; thông tin về nhân sự của Hội đồng/Ban ra đề thi và in sao đề thi; phương án vận chuyển, bảo quản, lưu trữ và bảo vệ đề thi của các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia và kỳ thi chọn đội tuyển Olympic quốc tế, khu vực chưa công khai.

V. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Báo cáo, đánh giá, biện pháp đấu tranh với hoạt động của các thế lực thù địch gây mất trật tự, an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Kế hoạch, báo cáo có nội dung phản ánh, đánh giá về tâm tư của đồng bào dân tộc thiểu số liên quan đến đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước có ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

3. Kế hoạch, báo cáo, số liệu về hoạt động nghiên cứu, điều tra, thống kê, tổng hợp để xác định thành phần, tên gọi và danh mục các dân tộc có nội dung tác động đến chính trị, quốc phòng, an ninh, trật tự.

VI. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC THANH TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Trong hoạt động thanh tra gồm:

a) Kế hoạch tiến hành thanh tra đột xuất trước khi công bố với đối tượng thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra;

b) Báo cáo kết quả thanh tra của thành viên Đoàn thanh tra, của Đoàn thanh tra;

c) Nội dung Kết luận thanh tra chưa công khai.

2. Trong hoạt động giải quyết tố cáo gồm:

a) Họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và những thông tin khác có thể làm lộ danh tính của người tố cáo, người được bảo vệ theo quy định của Luật Tố cáo, trừ trường hợp người tố cáo có yêu cầu khác;

b) Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo trước khi công khai kết luận nội dung tố cáo.

3. Trong hoạt động phòng, chống tham nhũng gồm:

a) Họ tên, địa chỉ, bút tích của người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, trừ trường hợp người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng có yêu cầu khác;

b) Nội dung báo cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi tham nhũng;

c) Kết quả kiểm tra, xác minh phản ánh, báo cáo về tham nhũng;

d) Những thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là không công khai.

VII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Báo cáo, Tờ trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; văn bản gửi các bộ, ngành, địa phương liên quan xin ý kiến về chủ trương, chính sách mới liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, năng lượng nguyên tử chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố công khai, trừ các nội dung đã được quy định tại khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Quyết định này;

2. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phối hợp hoạt động giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an có nội dung phục vụ quốc phòng, an ninh chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố công khai;

3. Thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung về chủ quyền lãnh thổ, nhân quyền; tôn giáo, dân tộc ảnh hưởng đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, gồm:

a) Thuyết minh, báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp, báo cáo về kết quả và sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Quyết định phê duyệt, quyết định công nhận kết quả; hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, biên bản, phiếu nhận xét; báo cáo kiểm tra, đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung, thông tin trong các văn bản quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

4. Thông tin về sáng chế phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, gồm:

a) Bản mô tả sáng chế, bản tóm tắt sáng chế trong đơn đăng ký sáng chế;

b) Văn bằng bảo hộ sáng chế;

c) Văn bản trao đổi trong quá trình thẩm định đơn đăng ký sáng chế, thẩm định liên quan đến văn bằng bảo hộ sáng chế có nội dung về giải pháp kỹ thuật của sáng chế.

5. Thông tin, tài liệu về năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân:

a) Đối với nhà máy điện hạt nhân; lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; cơ sở lưu giữ, xử lý nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, gồm:

- Báo cáo/tờ trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; văn bản gửi các bộ, ngành, địa phương liên quan xin ý kiến về xin chủ trương xây dựng cơ sở hạt nhân chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố công khai;

- Thuyết minh, bản vẽ thiết kế và dự toán trong giai đoạn đầu tư xây dựng đối với các hạng mục xây dựng lò phản ứng hạt nhân, kho chứa nhiên liệu hạt nhân, bể chứa nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, hệ thống đảm bảo an ninh của cơ sở hạt nhân;

- Kế hoạch, phương án bảo đảm an ninh của cơ sở hạt nhân.

b) Kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu, giao nhận, vận chuyển và kế hoạch đảm bảo an ninh trong giao nhận, vận chuyển, sử dụng, lưu giữ nhiên liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng; vật liệu hạt nhân; nguồn phóng xạ nhóm 1 và nguồn phóng xạ nhóm 2 đã qua sử dụng;

c) Kế hoạch, phương án, báo cáo kết quả ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân, sự cố phóng xạ xuyên biên giới; số liệu quan trắc phóng xạ trong sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân, sự cố phóng xạ xuyên biên giới; kế hoạch diễn tập ứng phó sự cố phóng xạ xuyên biên giới chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố công khai.

d) Chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác quốc tế về nhiên liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố công khai.

VIII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Văn bản về quy hoạch tần số vô tuyến điện phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; văn bản trao đổi giữa Bộ Thông tin và Truyền thông với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về xử lý can nhiễu tần số phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ quốc phòng an ninh; đề án, văn bản trao đổi về xác định khu vực tần số trên biển phục vụ triển khai nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn vùng biển của Việt Nam.

2. Thiết kế kỹ thuật, hồ hiệu, mật mã, quy ước liên lạc của hệ thống mạng thông tin dùng riêng phục vụ cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước; tần số, hồ

hiệu, mật mã, quy ước liên lạc của mạng điện báo hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

3. Thiết kế kỹ thuật các công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

4. Quy ước, mật khẩu, khóa mã về bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống máy tính và đảm bảo an toàn hoạt động ứng cứu khẩn cấp hệ thống máy tính trên không gian mạng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

5. Văn bản điều phối, kế hoạch chi tiết, phương án xử lý sự cố về an toàn thông tin mạng thuộc cấp độ 3, cấp độ 4 có quy mô, mức độ ảnh hưởng rộng hoặc cấp độ 5; văn bản, báo cáo về lỗ hổng bảo mật, nguy cơ mất an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin quan trọng quốc gia.

6. Báo cáo đề xuất, kế hoạch triển khai biện pháp bảo đảm an toàn thông tin phục vụ các sự kiện quốc gia, quốc tế và khu vực tổ chức tại Việt Nam có sự tham gia của nguyên thủ các nước.

7. Kế hoạch phát thanh, phát sóng trong tình huống Nhà nước ban bố tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

8. Văn bản chỉ đạo, điều hành hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử, an toàn thông tin mạng, thông tấn, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở phục vụ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, sức khỏe cộng đồng chưa công khai.

9. Báo cáo, văn bản xin ý kiến chỉ đạo, văn bản trao đổi giữa Bộ Thông tin và Truyền thông với các bộ, ban, ngành về các thông tin có nội dung trái với quan điểm của Đảng, Nhà nước; thông tin xuyên tạc, giả mạo liên quan đến lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

10. Báo cáo, văn bản xin ý kiến xử lý hoặc văn bản trao đổi giữa các bộ, ban, ngành trong quá trình giải quyết các vụ việc vi phạm trong lĩnh vực báo chí có tác động trực tiếp đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội chưa công khai.

11. Báo cáo đánh giá, đề xuất biện pháp thông tin tuyên truyền đối với dư luận báo chí nước ngoài chứa các thông tin trái với quan điểm của Đảng và Nhà nước chưa công khai.

12. Văn bản thẩm định, chỉ đạo trong quá trình xử lý tài liệu, ấn phẩm vi phạm khoản 1 Điều 10 Luật Xuất bản.

IX. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH

1. Thông tin về tài chính, ngân sách:

a) Tài liệu, số liệu viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài đối với những nhiệm vụ do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao quản lý chưa công khai.

b) Phương án Chiến lược tài chính, phương án Kế hoạch tài chính 05 năm và phương án ngân sách hàng năm có chứa số liệu chi tiết thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ban Chấp hành và Thường vụ đảng ủy cấp tỉnh, thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Phương án tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

d) Phương án đầu tư tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp hàng năm chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm, dự toán ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách hàng năm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

e) Phương án xây dựng chính sách tài chính trình xin chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chưa công bố.

g) Phương án giá in tiền giấy, các giấy tờ có giá, sản xuất tiền kim loại và in, đúc vàng miếng.

h) Báo cáo của Bộ Tài chính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có nội dung về phương án điều hành giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu chưa công khai.

2. Thông tin về kho bạc nhà nước và tài chính ngân hàng:

a) Phương án tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước cho ngân sách trung ương; phương án phát hành trực tiếp tín phiếu Kho bạc Nhà nước cho Ngân hàng Nhà nước chưa công khai.

b) Số liệu tổng hợp về kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của Nhà nước giao Kho bạc Nhà nước bảo quản chưa công khai.

c) Bản thiết kế bảo đảm an ninh, an toàn kho tiền, kho chứa kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của hệ thống Kho bạc Nhà nước; phương án di dời kho tiền, kho chứa kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của hệ thống Kho bạc Nhà nước; phương án vận chuyển tiền, kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của hệ thống Kho bạc Nhà nước.

d) Thông báo của Bộ Tài chính về khung lãi suất phát hành trái phiếu Chính phủ gửi Kho bạc Nhà nước; thông báo của Bộ Tài chính về khung lãi suất phát hành trái phiếu chính quyền địa phương gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phát hành trái phiếu chính quyền địa phương; thông báo của Bộ Tài chính về khung lãi suất phát hành trái phiếu

được Chính phủ bảo lãnh gửi Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam; thông báo của Bộ Tài chính về lãi suất tối thiểu gửi tiền có kỳ hạn ngân quỹ Nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước.

3. Thông tin về dự trữ quốc gia:

a) Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia.

b) Quy hoạch chi tiết hệ thống kho dự trữ quốc gia do các bộ, ngành quản lý (trừ hệ thống kho dự trữ quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý).

c) Kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm, dự toán ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách hàng năm chi cho dự trữ quốc gia (trừ nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định này).

4. Thông tin về hải quan:

a) Sơ đồ mạng truyền tin và quy ước liên lạc của lực lượng chống buôn lậu hải quan.

b) Thông tin, tài liệu về công tác điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm, vụ án hình sự chưa công khai gồm: Quyết định dẫn giải, quyết định áp giải, phương án hoặc kế hoạch dẫn giải, áp giải của cơ quan Hải quan có thẩm quyền khi chưa thực hiện. Kế hoạch điều tra ban đầu vụ án hình sự, báo cáo kết quả điều tra ban đầu vụ án hình sự.

c) Kế hoạch triển khai công tác kiểm soát hải quan hàng năm, kế hoạch phối hợp, văn bản trao đổi ý kiến về hướng giải quyết vụ án hình sự, vụ việc đấu tranh phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, ma túy qua biên giới chưa công khai; báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan sáu tháng, một năm.

d) Hồ sơ triển khai thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan gồm:

- Hồ sơ điều tra nghiên cứu nắm tình hình (về địa bàn; tuyến vận chuyển hàng hóa; về vụ việc, hiện tượng bất thường; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, vận chuyển hàng hóa; tổ chức có hoạt động xuất nhập khẩu và cá nhân có điều kiện, khả năng hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới) gồm: Kế hoạch điều tra nghiên cứu nắm tình hình, báo cáo đề xuất lập/kết thúc hồ sơ, quyết định lập/kết thúc hồ sơ, báo cáo kết quả và báo cáo bổ sung kết quả điều tra nghiên cứu nắm tình hình; báo cáo và đề xuất của công chức hải quan trong quá trình tiến hành điều tra nghiên cứu nắm tình hình, danh sách đối tượng.

- Hồ sơ sơ tra: Kế hoạch sơ tra đối tượng, kế hoạch quản lý đối tượng sơ tra, quyết định lập/kết thúc hồ sơ sơ tra, thẻ sơ tra, báo cáo đề xuất lập/kết thúc hồ sơ sơ tra, báo cáo đề xuất phê duyệt sơ tra (hoặc kết thúc sơ tra đối tượng); báo cáo bổ sung, đánh giá về đối tượng sơ tra.

- Thu thập, xử lý thông tin: Tin, tài liệu thu được qua công tác nghiệp vụ và công tác đấu tranh chuyên án của lực lượng Hải quan về hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, hàng giả, hàng cấm, ma túy, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ qua biên giới; thông tin về tên gọi của tổ chức, danh tính cá nhân báo tin về hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, hàng giả, hàng cấm, ma túy, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ qua biên giới; tin báo, văn bản trao đổi của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong nước và cơ quan chống buôn lậu của Hải quan nước ngoài về hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, hàng giả, hàng cấm, ma túy, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ qua biên giới.

- Trình sát ngoại tuyến: Báo cáo đề xuất, kế hoạch trình sát ngoại tuyến, quyết định sử dụng biện pháp trình sát ngoại tuyến, báo cáo kết quả trình sát ngoại tuyến.

- Trình sát kỹ thuật: Báo cáo đề xuất, kế hoạch trình sát kỹ thuật, quyết định sử dụng biện pháp trình sát kỹ thuật, báo cáo kết quả trình sát kỹ thuật.

- Hồ sơ đấu tranh chuyên án: Quyết định lập hồ sơ, quyết định xác lập chuyên án và thành lập ban chuyên án, quyết định điều động/thay đổi thành viên tham gia chuyên án, quyết định phá án, tạm đình chỉ, đình chỉ, phục hồi chuyên án. Kế hoạch đấu tranh chuyên án; kế hoạch thực hiện theo các yêu cầu đấu tranh hoặc tình huống nghiệp vụ và hướng phát triển của chuyên án, kế hoạch phá án, kế hoạch chuyển hóa tài liệu trình sát thành chứng cứ, kế hoạch rút cơ sở bí mật ra khỏi chuyên án. Báo cáo xác lập chuyên án; báo cáo, tài liệu trình sát làm căn cứ, cơ sở cho việc xác lập chuyên án, báo cáo thực hiện kế hoạch chuyên án; báo cáo kết quả công tác của tổ, nhóm, công chức, người tham gia chuyên án; báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên án và các báo cáo có liên quan đến chuyên án; biên bản họp chuyên án/ban chuyên án; văn bản chỉ đạo của ban chuyên án và của lãnh đạo cấp trên; tài liệu về dự toán, chi kinh phí phục vụ cho chuyên án.

đ) Danh mục dấu hiệu rủi ro; Bộ chỉ số tiêu chí quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; Danh sách doanh nghiệp trọng điểm trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cần áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro.

e) Tờ trình, báo cáo đề xuất chi mua tin; phiếu chi, chứng từ thanh toán, quyết toán kinh phí chi mua tin phục vụ công tác phòng, chống buôn lậu của ngành Hải quan.

g) Nội dung, chương trình đào tạo, sách, giáo trình, giáo án phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, tập huấn các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan của ngành Hải quan.

h) Số liệu thống kê về cơ sở bí mật.

X. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT CỦA ỦY BAN MẬT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM CÁC CẤP

1. Đề án, nghị quyết, tờ trình, hướng dẫn, kế hoạch, báo cáo, công văn của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp về việc bồi dưỡng, xây dựng cốt cán, phát huy vai trò người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.

2. Văn bản, tài liệu liên quan đến người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền lựa chọn, bố trí, tranh thủ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

3. Báo cáo của Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có nội dung nhận xét, đánh giá, kiến nghị chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với ý kiến cử tri trước các kỳ họp Quốc hội gây ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh.

4. Báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội của Ban Thường trực, Đoàn Chủ tịch, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có nội dung nhận xét, đánh giá, kiến nghị chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ gây ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh.

5. Kế hoạch, số liệu, báo cáo kết quả điều tra, khảo sát về thực trạng tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội, đời sống của các tầng lớp nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có tác động đến tình hình chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội chưa công khai.

6. Văn bản của Ban Thường trực, Đoàn Chủ tịch, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, giải pháp thực hiện công tác đối ngoại với các tổ chức Mặt trận và các tổ chức nước ngoài tương đương gây ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

7. Báo cáo của Ban Thường trực, Đoàn Chủ tịch, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có nội dung kiến nghị chủ trương giải quyết, xử lý đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc; việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; người Việt Nam định cư ở nước ngoài gây ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh.

XI. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC Y TẾ

1. Số người mắc, người chết do bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới phát sinh chưa rõ tác nhân gây bệnh chưa được Bộ Y tế công khai.

2. Tên, nguồn gốc, độc lực, khả năng lây lan, đường lây của các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới phát hiện, chưa xác định được có liên quan đến sức khỏe, tính mạng con người, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội chưa được công khai.

XII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Nội dung kết luận, kiến nghị xử lý của Kiểm toán nhà nước đối với vụ việc có dấu hiệu tội phạm nghiêm trọng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán.

2. Nội dung kết luận, kiến nghị xử lý của Kiểm toán nhà nước đối với vụ việc có dấu hiệu tham nhũng nghiêm trọng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán.

3. Văn bản báo cáo, trao đổi của Kiểm toán nhà nước với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vụ việc có dấu hiệu tội phạm, tham nhũng nghiêm trọng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán.

XIII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT, BỔ TRỢ TƯ PHÁP, HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP, BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

1. Chương trình, kế hoạch, báo cáo trong một số lĩnh vực bổ trợ tư pháp có ảnh hưởng đến chính trị, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

2. Báo cáo, văn bản có nội dung phản ánh, đánh giá về tình hình tư tưởng có dấu hiệu lệch lạc, sai trái của một số chức danh tư pháp do Bộ Tư pháp quản lý ảnh hưởng tới an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

3. Chương trình, đề án, báo cáo, văn bản về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đối với các đối tượng xâm phạm đến chính trị, đối ngoại, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

4. Phương án, tài liệu trao đổi liên ngành trong quá trình tổ chức thực hiện bồi thường nhà nước đối với các vụ việc phức tạp hoặc có yếu tố nước ngoài ảnh hưởng tới uy tín của cơ quan nhà nước, trật tự an toàn xã hội.

5. Báo cáo, tài liệu trao đổi liên ngành trong giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế có ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, đối ngoại và môi trường đầu tư của đất nước.

XIV. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Kế hoạch khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng chưa công khai.

2. Phương án, kế hoạch, đề án của Bộ Giao thông vận tải về an toàn, an ninh hàng hải chưa công khai.

3. Kế hoạch đảm bảo an ninh cho đối tượng chuyên cơ, chuyên khoang.

4. Phương án đàm phán, văn bản, sơ đồ, hải đồ, bản đồ chứa thông tin liên quan đến nội dung đàm phán chưa công khai để thực hiện việc đàm phán, ký kết Hiệp định, thỏa thuận song phương, đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia khác (các bên) về vùng tìm kiếm cứu nạn hàng hải, vùng trách nhiệm của Trung tâm điều khiển và xử lý dữ liệu cấp cứu qua vệ tinh Cospas-Sarsat của Việt Nam (VNMCC).

5. Kế hoạch điều tra, báo cáo kết quả điều tra, kết luận nguyên nhân tai nạn hàng không, sự cố hàng không loại C trở lên chưa công khai; sự cố, tai nạn giao thông hàng hải đặc biệt nghiêm trọng chưa công khai.

6. Kế hoạch điều tra, báo cáo kết quả điều tra, kết luận nguyên nhân sự cố kết cấu hạ tầng giao thông từ cấp I trở lên chưa công khai.

XV. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC KẾ HOẠCH, ĐẦU TƯ VÀ THỐNG KÊ

1. Kế hoạch đầu tư, báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư trong phòng thủ đất nước cấp chiến thuật.

2. Danh mục dự án, báo cáo thuyết minh về đầu tư công, phân bổ ngân sách thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội chưa công khai.

3. Quyết định phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội chưa công khai.

4. Quyết định phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa công khai.

5. Quyết định phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các dự án tại nước ngoài của Bộ Ngoại giao chưa công khai.

XVI. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC XÂY DỰNG

1. Kết quả kiểm định, xác minh sự cố đối với công trình xây dựng thuộc dự án quan trọng quốc gia, công trình xây dựng có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ chưa công khai.

2. Báo cáo định kỳ, đột xuất gửi Thủ tướng Chính phủ về chất lượng các công trình xây dựng thuộc dự án quan trọng quốc gia, công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp do Thủ tướng Chính phủ giao Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu.

XVII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

1. Phương án điều hành công cụ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa đưa vào triển khai.

2. Số liệu tổng lượng tiền cung ứng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa công khai.
3. Nơi lưu giữ vàng vật chất thuộc dự trữ ngoại hối Nhà nước ở trong nước.
4. Báo cáo tự kiểm tra về hoạt động an toàn kho quỹ của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Báo cáo kiểm toán nội bộ, báo cáo kết quả giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động an toàn kho quỹ và quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước: Biên bản kiểm tra tình hình quản lý Dự trữ ngoại hối Nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
5. Số liệu tuyệt đối về tổng thu, tổng chi, bội thu, bội chi tiền mặt của hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
6. Số lượng tiền in, đúc và tiền phát hành.
7. Văn bản quy định ký hiệu bằng chữ và số các loại tiền và các giấy tờ có giá.
8. Kế hoạch điều chuyển, lệnh điều chuyển tiền, lịch trình vận chuyển, điện báo vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá (ngày, giờ xuất phát, địa điểm đi, đến, tuyến đường, loại phương tiện, khối lượng, giá trị, loại tài sản) chưa thực hiện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
9. Số liệu về xuất, nhập, tồn quỹ tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá của quỹ Dự trữ phát hành: số liệu về xuất kho, nhập kho tiền tiêu hủy, kế hoạch tiêu hủy tiền: báo cáo kết quả tiêu hủy tiền.
10. Kế hoạch mua sắm giấy in tiền, mực in tiền, khuôn đúc dập tiền, phối đúc dập tiền; tài liệu về cấp văn seri để in tiền.
11. Hồ sơ thiết kế, địa điểm, phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn của: cơ sở in, đúc tiền: kho tiền trung ương, kho tiền khu vực, trung tâm xử lý tiền kiêm kho tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
12. Số liệu tuyệt đối về số lượng tiền giả thu giữ qua hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước.
13. Báo cáo kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có nội dung liên quan đến số liệu in, đúc tiền đối với các cơ sở in, đúc tiền.
14. Báo cáo tài chính của Nhà máy in tiền Quốc gia.
15. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn tài sản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại các Kho tiền Trung ương.
16. Báo cáo giám sát tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với Nhà máy in tiền Quốc gia.
17. Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và 5 năm của Nhà máy in tiền Quốc gia.

18. Bảng cân đối tài khoản kế toán, bảng cân đối kế toán của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

19. Kết quả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xếp hạng các tổ chức tín dụng hàng năm chưa công khai.

20. Thông tin, tài liệu, số liệu về mất, nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, nguy cơ mất khả năng thanh toán của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

21. Thông tin, tài liệu về kiểm soát đặc biệt ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, gồm:

a) Phương án cơ cấu lại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt;

b) Văn bản của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc xem xét, quyết định đặt ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân vào kiểm soát đặc biệt; quyết định đặt quỹ tín dụng nhân dân vào kiểm soát đặc biệt; kết quả giám sát về tình hình hoạt động của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt;

c) Văn bản của Ban Kiểm soát đặc biệt về: văn bản chỉ đạo ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt; báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thực trạng tổ chức, hoạt động, thực trạng thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt và đề xuất chấm dứt kiểm soát đặc biệt để thực hiện sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản;

d) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc:

- Quyết định đặt ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã vào kiểm soát đặc biệt;

- Báo cáo xin ý kiến của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt: chấm dứt kiểm soát đặc biệt để thực hiện sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản.

22. Thông tin về cơ cấu lại, xử lý nợ xấu ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được xếp hạng yếu kém theo quy định của pháp luật chưa công khai, gồm:

a) Thông tin, tài liệu về phương án, giải pháp cơ cấu lại, xử lý nợ xấu ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được xếp hạng yếu kém;

b) Văn bản của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc xem xét, phê duyệt phương án, giải pháp cơ cấu lại, xử lý nợ xấu;

c) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc phê duyệt phương án, giải pháp cơ cấu lại, xử lý nợ xấu: tờ trình, văn bản báo cáo Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương, phê duyệt phương án, giải pháp cơ cấu lại, xử lý nợ xấu.

23. Đề án cơ cấu lại, xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng chưa công khai; văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xin ý kiến các bộ, ngành và ý kiến của các bộ, ngành đối với nội dung Đề án cơ cấu lại, xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng: văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền về nội dung Đề án cơ cấu lại, xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng.

24. Số tiền, thời hạn tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt, đề nghị gia hạn vay đặc biệt chưa công khai: số tiền, thời hạn tổ chức tín dụng vay đặc biệt, gia hạn vay đặc biệt chưa công khai.

25. Thông tin giao dịch đáng ngờ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về phòng, chống rửa tiền: phòng, chống tài trợ khủng bố về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

XVIII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Về môi trường:

a) Kết quả, phương án xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới; ô nhiễm môi trường biển do sự cố tràn dầu, hóa chất độc và sự cố môi trường biển có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội chưa công khai;

b) Tài liệu, mẫu vật thu thập qua điều tra, số liệu tổng hợp tuyệt đối toàn quốc về hậu quả chiến tranh hóa học đối với con người và môi trường Việt Nam chưa công khai.

2. Về khí tượng thủy văn:

a) Kết quả điều tra cơ bản về khí tượng, thủy văn, hải văn sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ mục đích, quốc phòng, an ninh đang xử lý chưa công khai;

b) Vị trí và trị số độ cao các mốc chính của trạm khí tượng thủy văn, hải văn và tài nguyên nước; số liệu độ cao và số không tuyệt đối của các mốc hải văn phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

3. Về đo đạc và bản đồ:

a) Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia bao gồm số liệu gốc của hệ tọa độ quốc gia, hệ độ cao quốc gia, hệ trọng lực quốc gia, độ sâu quốc gia;

b) Dữ liệu ảnh hàng không gồm phim, ảnh hàng không kỹ thuật số; dữ liệu đám mây điểm và sản phẩm quét phim, ảnh hàng không kèm theo số liệu xác định tọa độ tâm ảnh có số lượng từ liên kết bằng diện tích lớn hơn 800 km^2 ở thực địa;

c) Lớp dữ liệu địa hình của cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia các tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:100.000 có diện tích liên kết lớn hơn 200 km^2 trên thực địa ở khu vực ngoài đô thị hoặc 400 km^2 ở khu vực đô thị; mô hình số độ cao với độ chính xác đến 07 m có diện tích liên kết lớn hơn 200 km^2 trên thực địa ở khu vực ngoài đô thị hoặc 400 km^2 ở khu vực đô thị.

4. Về biển và hải đảo:

a) Văn bản xin chủ trương của lãnh đạo Đảng, Nhà nước về việc khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo ở vùng biển sâu, tài nguyên mới có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa công khai;

b) Tọa độ, trữ lượng và tài nguyên cấp 333 trở lên các mỏ khoáng sản kim loại quý hiếm, đá quý ở vùng biển nông chưa công khai;

c) Các số liệu, tài liệu thuộc hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ liên quan đến quốc phòng, an ninh chưa công khai;

d) Tài liệu về cơ sở khoa học cho việc đặt lên các hải đảo chưa công khai;

đ) Kết quả, phương án khai thác, phương tiện nghiên cứu, điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo sử dụng ngân sách nhà nước liên quan đến quốc phòng, an ninh chưa công khai.

5. Về địa chất và khoáng sản:

a) Các bản đồ và tài liệu nguyên thủy kèm theo của phương pháp trọng lực có chứa đồng thời các thông tin về giá trị đo trọng lực và vị trí điểm đo trọng lực;

b) Tài liệu nguyên thủy có chứa các thông tin về tọa độ, số lượng, chất lượng các loại khoáng sản thuộc đề án đánh giá tiềm năng khoáng sản chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Kết quả của đề án đánh giá, đề án thăm dò khoáng sản phóng xạ uran, thori, khoáng sản đất hiếm chưa công khai.

XIX. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

1. Phương án, kế hoạch, tài liệu chuẩn bị, nội dung đàm phán, báo cáo kết quả tham dự các Hội nghị trong khuôn khổ hợp tác ASEAN (bao gồm cả hợp tác ASEAN và các đối tác), APEC, ASEM, WTO chưa công khai.

2. Văn bản của Bộ Công thương báo cáo lãnh đạo Đảng, Nhà nước đề xin ý kiến chỉ đạo về công tác hội nhập khu vực và tiểu vùng quốc tế, chính sách thương mại có ảnh hưởng, tác động đến kinh tế - xã hội của đất nước chưa công khai.

3. Phương án, tài liệu tham vấn với các bộ, ngành liên quan đến thẩm định hồ sơ, các kết luận áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chưa công khai.

4. Tờ trình, báo cáo của Bộ Công thương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chọn đối tác, nội dung, phương án, văn bản ký kết các dự án nhà máy điện thuộc công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

5. Báo cáo phương thức vận hành của hệ thống điện quốc gia, hệ thống điện miền, hệ thống điện các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phục vụ các sự kiện chính trị, kinh tế - xã hội quan trọng khi chưa thực hiện.

6. Sơ đồ lưới điện cao áp nội bộ của các công trình, mục tiêu quan trọng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

7. Chiến lược, quy hoạch có nội dung liên quan đến trữ lượng dầu khí của từng khu vực, địa điểm; văn bản, báo cáo về địa điểm, trữ lượng các phát hiện dầu khí tại Việt Nam chưa công khai.

8. Báo cáo tổng thể hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí của các bể dầu khí tiềm địa Việt Nam chưa công khai.

9. Chiến lược, quy hoạch quặng phóng xạ Uran, Thori chưa công khai.

10. Thông số kỹ thuật của thiết bị chính, sơ đồ chính bố trí lắp đặt trang thiết bị, dây chuyền vận hành của các công trình điện lực, hóa chất, hóa dược, lọc, hóa dầu phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chưa công khai.

11. Phương án, kế hoạch bảo vệ an ninh, an toàn các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thuộc lĩnh vực Công nghiệp và Thương mại tại Việt Nam.

12. Báo cáo phương án chỉ đạo, điều chỉnh giá mặt hàng xăng dầu đang trong quá trình xin ý kiến của các bộ, ngành liên quan, lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ chưa công khai; phương án chỉ đạo, phương án điều chỉnh giá điện đang trong quá trình xin ý kiến của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ chưa công khai.

13. Kế hoạch kiểm tra đột xuất vụ việc vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Công nghiệp và Thương mại chưa công khai.

XX. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI

1. Báo cáo có nội dung phản ánh, đánh giá về hoạt động lợi dụng đối thoại dân chủ, nhân quyền nhằm can thiệp, tác động gây sức ép đối với Việt Nam về chính trị, đối ngoại, kinh tế.

2. Báo cáo, văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội gây ảnh hưởng lớn đến chính sách kinh tế - xã hội trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công chưa công khai.

3. Báo cáo, văn bản có nội dung phản ánh, đánh giá về tình hình phức tạp của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có ảnh hưởng đến chính trị, đối ngoại hoặc định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

4. Báo cáo, văn bản có nội dung phản ánh, đánh giá về tình hình phức tạp của người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có ảnh hưởng đến chính trị, đối ngoại, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

5. Báo cáo, văn bản có nội dung phản ánh, đánh giá về tình hình phức tạp của người dân di cư tự do từ nước ngoài về Việt Nam gây ảnh hưởng đến chính trị, đối ngoại, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

6. Báo cáo chuyên đề đình công có nội dung phản ánh, đánh giá về đình công bất hợp pháp gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

7. Báo cáo, văn bản có nội dung phản ánh, đánh giá về tình hình phức tạp trong việc thành lập và hoạt động của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

XXI. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO

Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi các Trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, báo cáo, văn bản do các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài gửi về liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến quan hệ giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với quốc gia sở tại trong hoạt động văn hóa đối ngoại, hợp tác về thể thao.

XXII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Đề án, kế hoạch phát triển thương mại những mặt hàng thuộc Danh mục sản phẩm quốc gia của ngành chưa công khai.

2. Phương án, nội dung đàm phán xử lý các rào cản thương mại, mở cửa thị trường của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hàng nông, lâm, thủy sản theo quy định của pháp luật quốc tế chưa công khai.

3. Kế hoạch kiểm tra, kết quả tuần tra, diễn tập chung của lực lượng kiểm ngư với lực lượng hải quân trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo chưa công khai.

4. Văn bản xác minh, báo cáo về tình hình tàu cá nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam, tàu cá Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài chưa công khai.

5. Quyết định kiểm tra, kế hoạch kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra sạt lở bờ sông suối biên giới tại các khu vực còn tranh chấp về chủ quyền, khu vực nhạy cảm về an ninh, chính trị chưa công khai.

6. Phương án bảo vệ các đập, hồ chứa thủy lợi thuộc loại đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt theo quy định tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Báo cáo về ổ dịch, vùng dịch thuộc danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang trong quá trình kiểm tra, xác minh chưa công khai.

XXIII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

1. Văn bản của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về triển khai phương án, kế hoạch, phương tiện, lực lượng, biện pháp bảo vệ các sự kiện đặc biệt quan trọng theo Luật Cảnh vệ; giải quyết, xử lý các vụ việc, điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự.

2. Văn bản của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phương án giải quyết sự cố, sự việc phức tạp ở khu vực biên giới, khu vực giáp ranh giới trên biển giữa Việt Nam và các nước; quyết định chấp thuận, chưa chấp thuận đại diện ngoại giao các nước, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, vấn đề ưu đãi, miễn trừ, tranh chấp của các cơ quan đại diện ngoại giao của các nước, cơ quan đại diện và văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam chưa công khai.

3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân vào kiểm soát đặc biệt; cơ cấu lại, xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân xếp hạng yếu kém; đề án cơ cấu lại, xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng chưa công khai.

4. Văn bản của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phương án, kế hoạch tài chính 05 năm, hằng năm;

phương án xây dựng chính sách tài chính, phương án điều hành giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

5. Tài liệu thiết kế kỹ thuật bảo đảm an ninh, an toàn khu vực trụ sở nhà làm việc của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ.

6. Lịch công tác, lộ trình công tác của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ trong nước và ngoài nước chưa công khai.

7. Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, kết luận và văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, quân sự tại địa phương chưa công khai.

8. Nghị quyết, kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, văn bản thông báo của Văn phòng Chính phủ về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh, phân định địa giới, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính khu vực biên giới, khu vực biên đảo và khu vực có vị trí chiến lược về an ninh, quốc phòng.

XXIV. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC, VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NƯỚC

1. Báo cáo nhiệm kỳ của Chủ tịch nước trước khi trình bày trước Quốc hội; bài viết, bài phát biểu, bài phỏng vấn của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước liên quan đến các vấn đề về tôn giáo, dân tộc, quyền con người, chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia chưa công khai.

2. Tờ trình, báo cáo của Chủ tịch nước trước Quốc hội giải trình những nội dung còn có ý kiến khác nhau về nhân sự bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chưa công khai.

Tờ trình, báo cáo của Văn phòng Chủ tịch nước giải trình những nội dung còn có ý kiến khác nhau về nhân sự trình Chủ tịch nước quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, cử, triệu hồi Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa công khai.

3. Chương trình, kế hoạch chi tiết công tác trong nước của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước.

4. Văn bản, ý kiến của Chủ tịch nước, văn bản, tài liệu của Văn phòng Chủ tịch nước về việc xét đơn xin ân giảm án tử hình, đặc xá trong trường hợp đặc biệt đối với các trường hợp xâm phạm an ninh quốc gia, tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng chưa công khai.

5. Tờ trình, báo cáo của Văn phòng Chủ tịch nước xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch nước về việc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia hoạt động góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới chưa công khai.

6. Tờ trình, báo cáo của Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước quyết định về việc tước quốc tịch Việt Nam đối với các đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia chưa công khai.

7. Báo cáo, tài liệu của Văn phòng Chủ tịch nước phục vụ Chủ tịch nước họp lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương có nội dung liên quan đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội lớn của đất nước.

8. Thiết kế kỹ thuật liên quan đến bảo đảm an ninh, an toàn trụ sở cơ quan Văn phòng Chủ tịch nước.

XXV. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT CỦA QUỐC HỘI, CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI, CƠ QUAN THUỘC ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, TỔNG THƯ KÝ QUỐC HỘI, VĂN PHÒNG QUỐC HỘI VÀ ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

1. Thông tin, tài liệu về tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội:

a) Tờ trình, báo cáo, công văn phục vụ Đảng đoàn Quốc hội xem xét, quyết định về số lượng, cơ cấu và phương hướng chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương chưa công khai;

b) Tờ trình, báo cáo, công văn phục vụ Hội đồng Bầu cử quốc gia xem xét, quyết định về nguyên tắc phân bổ ứng cử viên ở Trung ương về địa phương ứng cử đại biểu Quốc hội chưa công khai;

c) Tờ trình, báo cáo, công văn phục vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét về dự kiến phân bổ cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội; số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội chưa công khai;

d) Tờ trình, báo cáo, công văn phục vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội chưa công khai;

đ) Hướng dẫn, báo cáo, công văn về những vấn đề phức tạp trong công tác bầu cử có ảnh hưởng đến chính trị, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trong công tác bầu cử;

e) Văn bản đề nghị cơ quan chức năng xác minh đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội; báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo về nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội, nhân sự trúng cử đại biểu Quốc hội chưa công khai.

2. Thông tin tài liệu phục vụ Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

a) Tờ trình, báo cáo thẩm tra, báo cáo tổng hợp, báo cáo tập hợp, báo cáo giải trình tiếp thu phục vụ Quốc hội xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền của Quốc hội chưa công khai;

b) Tờ trình, báo cáo phục vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến, quyết định về công tác nhân sự, cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa công khai;

c) Văn bản nhận xét, đánh giá cán bộ; công văn xin ý kiến cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, kỷ luật cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng Đoàn Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Thông tin tài liệu có nội dung về đại biểu Quốc hội:

a) Tờ trình, báo cáo, công văn phục vụ Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định về việc bãi nhiệm, cách chức, buộc thôi việc, sa thải, cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội chưa công khai;

b) Văn bản đề xuất hướng xử lý đơn thư tố cáo đại biểu Quốc hội liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội; cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng đoàn Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Báo cáo kết quả giám sát, báo cáo kết quả khảo sát về các vấn đề có ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, chính sách phát triển kinh tế - xã hội lớn của đất nước chưa công khai.

5. Tờ trình, báo cáo, công văn của các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn phòng Quốc hội triển khai hoạt động đối ngoại có nội dung ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, quan hệ của ta với các đối tác; chương trình, báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại hàng năm; báo cáo kết quả hoạt động song phương, đa phương của Quốc hội Việt Nam với Quốc hội các nước, các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực có nội dung ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, quan hệ của ta với các đối tác chưa công khai.

6. Tờ trình, kế hoạch, chương trình làm việc, đề án chính trị, đề án lễ tân, báo cáo của Ủy ban Đối ngoại, Văn phòng Quốc hội liên quan đến các chuyến công tác trong và ngoài nước của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội.

7. Báo cáo phục vụ cuộc họp của Đảng đoàn Quốc hội và Ban cán sự Đảng Chính phủ về lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị tổ chức và điều hành kỳ họp Quốc hội.

XXVI. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT THUỘC TÒA ÁN NHÂN DÂN

1. Kế hoạch, nội dung phối hợp công tác liên ngành về đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, tội phạm tham nhũng nghiêm trọng, tội phạm mà dư luận xã hội đặc biệt quan tâm chưa công khai.

2. Quan điểm, ý kiến của cá nhân thành viên Hội đồng xét xử của các cấp Tòa án khi nghị án; kết luận của Thẩm phán, Tổ Thẩm phán, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao hoặc kết luận của Thẩm phán, Tổ Thẩm phán, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trong quá trình giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm chưa công khai; văn bản trao đổi nghiệp vụ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng về việc giải quyết các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, các vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

3. Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chủ trương, định hướng lớn liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân chưa công khai.

4. Báo cáo của Tòa án nhân dân về việc chưa thi hành án tử hình phục vụ yêu cầu điều tra mở rộng vụ án và yêu cầu đối ngoại.

5. Báo cáo về các vụ án được xét xử kín trong trường hợp cần giữ bí mật nhà nước.

XXVII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT THUỘC VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

1. Kế hoạch, nội dung phối hợp công tác liên ngành của Viện kiểm sát nhân dân với các cơ quan có thẩm quyền về đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia; tội phạm xâm phạm trật tự, an toàn xã hội đặc biệt nghiêm trọng; tội phạm tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; tội phạm dư luận xã hội đặc biệt quan tâm chưa công khai.

2. Quan điểm, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thành viên Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, kết luận của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong quá trình giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm chưa công khai; văn bản trao đổi nghiệp vụ của Viện kiểm sát nhân dân với các cơ quan tiến hành tố tụng về việc giải quyết vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự,

an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

3. Thông tin, tài liệu về công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; công tác kiểm sát thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự đối với các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, gồm:

a) Phương án, kế hoạch, báo cáo, văn bản về thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử chưa công khai;

b) Lệnh, quyết định, văn bản của Viện kiểm sát nhân dân trong thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, gia hạn tạm giữ, bắt, tạm giam, khám xét, quyết định việc truy tố chưa thực hiện;

c) Yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân về việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; quyết định của Viện kiểm sát nhân dân về việc phê chuẩn, không phê chuẩn, gia hạn, hủy bỏ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt;

d) Kế hoạch, báo cáo, văn bản kiểm sát thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự chưa công khai.

4. Thông tin, tài liệu về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân, gồm:

a) Ý kiến chỉ đạo của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án;

b) Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo chưa công khai;

c) Họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và những thông tin khác có thể làm lộ danh tính của người tố cáo, người được bảo vệ theo quy định của Luật Tố cáo.

5. Thông tin, tài liệu về kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp, gồm:

a) Kế hoạch kiểm sát trực tiếp việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp chưa thực hiện;

b) Báo cáo kết quả kiểm sát; nội dung kết luận kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp chưa công khai;

c) Nội dung kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp chưa công khai.

6. Nội dung, phương án đàm phán, tiếp xúc cấp cao giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao với các quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế về hoạt động tương trợ tư pháp hình sự trong giải quyết đối với các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm chưa công khai.

7. Báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao với cơ quan đảng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chủ trương, định hướng lớn liên quan đến tổ chức, hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân chưa công khai.

XXVIII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

1. Kế hoạch, báo cáo có nội dung phản ánh, đánh giá về thực trạng người lao động có diễn biến về tư tưởng, nhận thức, hoạt động chống đối gây ảnh hưởng đến chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại.

2. Văn bản của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, biện pháp thực hiện công tác đối ngoại của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam với các tổ chức công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, uy tín và vị thế quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Báo cáo, văn bản có nội dung phản ánh, đánh giá về tranh chấp lao động, ngừng việc tập thể, đình công tự phát gây ảnh hưởng đến chính trị, đối ngoại, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

4. Báo cáo, văn bản có nội dung phản ánh, đánh giá về tình hình phức tạp trong việc gia nhập Công đoàn Việt Nam của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

5. Báo cáo, văn bản có nội dung phản ánh, đánh giá về các hoạt động chống phá của tổ chức, cá nhân đối với Công đoàn Việt Nam gây ảnh hưởng đến chính trị, đối ngoại, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

6. Báo cáo, kế hoạch, đề án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư có nội dung liên quan đến đổi mới tổ chức và hoạt động Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới ảnh hưởng đến chính trị, đối ngoại, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội chưa công khai.

XXIX. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

1. Nội dung làm việc của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước với Ban Bí thư, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí

Minh về vận động đoàn viên, thanh niên tham gia bảo vệ Tổ quốc, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

2. Kế hoạch, số liệu điều tra, khảo sát, báo cáo đánh giá về thực trạng tình hình tư tưởng, đời sống và những phức tạp trong thanh niên có tác động tiêu cực đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội chưa công khai.

3. Báo cáo về công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nội dung phản ánh các vụ, việc gây tác động tiêu cực đến chính trị, quốc phòng, an ninh, xã hội.

4. Nghị quyết, phương án, kế hoạch và văn bản về tổ chức, vận động đoàn viên, thanh niên tham gia công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, gây rối an ninh trật tự.

XXX. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT CỦA HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

1. Kế hoạch, báo cáo, khảo sát về thực trạng tình hình tư tưởng Cựu chiến binh, Cựu quân nhân; nội dung giám sát, phản biện xã hội có tác động tiêu cực đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và các vấn đề về kinh tế, xã hội.

2. Báo cáo của Đảng đoàn, Thường trực Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam với lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong công tác tham gia đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch chống lại quan điểm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Báo cáo của Đảng đoàn, Thường trực Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam về hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội do Hội Cựu chiến binh phát hiện, thu thập thông qua công tác Hội, công tác tranh thủ người có uy tín trong dân tộc, chức sắc tôn giáo phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; kế hoạch phối hợp đấu tranh với các đối tượng lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá, xuyên tạc chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

XXXI. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

1. Chương trình, kế hoạch, báo cáo về hoạt động đối ngoại của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam liên quan đến hoạt động đối thoại nhân quyền, dân chủ ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa công khai.

2. Báo cáo về công tác bảo vệ chính trị nội bộ có nội dung phản ánh, đánh giá, nhận xét về thực trạng hội viên có diễn biến về tư tưởng, nhận thức, hoạt động chống đối ảnh hưởng đến chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh chưa công khai.

3. Báo cáo có nội dung đánh giá, nhận xét về công tác vận động hội viên phụ nữ tại các vùng có điểm nóng về dân tộc, tôn giáo chưa công khai.

4. Danh sách hội viên nông cốt tại vùng có điểm nóng về vấn đề dân tộc, tôn giáo chưa công khai.

XXXII. BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT CỦA HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

1. Nội dung làm việc của lãnh đạo Đảng, Nhà nước với Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, nghị quyết, phương án, kế hoạch và văn bản về vận động hội viên, nông dân tham gia bảo vệ Tổ quốc, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

2. Kế hoạch, số liệu điều tra, khảo sát, báo cáo có nội dung phản ánh, đánh giá về thực trạng nông dân có diễn biến tư tưởng, nhận thức, hoạt động chống đối gây ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, xã hội tại vùng điểm nóng về vấn đề dân tộc, tôn giáo.

3. Báo cáo về công tác bảo vệ chính trị nội bộ có nội dung phản ánh, đánh giá về thực trạng cán bộ, hội viên có diễn biến về tư tưởng, nhận thức, hoạt động chống đối gây ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, xã hội.

